

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẠN Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP



BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2703000185 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31/10/2003, và giấy chứng nhận doanh nghiệp số: 2900574674 do Sở KHĐT Nghệ An cấp thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 7 năm 2012)

ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số: .../QĐ-SGDHN do Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Địa chỉ: Số 197, Nguyễn Trường Tộ, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
Điện thoại: +84 (0)38 353 1065 Fax: +84 (0)38 385 3433
Website: www.vneco4.com.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 72, Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 (0)8 3824 2897 Fax: +84 (0)8 3824 7430
Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: Số 1C, Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 (0)4 3936 6321 Fax: +84 (0)4 3936 6318
Email: ssi_hn@ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Phan Huy Thành Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại: +84 (0)38 353 1065 Fax: +84 (0)38 385 3433

Nghệ An, tháng 07 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2703000185 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31/10/2003, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 17 tháng 5 năm 2011)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng
Tổng số lượng đăng ký niêm yết:	1.028.000 (Một triệu không trăm hai tám ngàn) cổ phiếu
Tổng giá trị đăng ký niêm yết:	10.280.000.000 (Mười tỷ hai trăm tám mươi triệu) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

- ❖ **Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn tài chính Quốc tế - IFC** (Báo cáo tài chính 2011)

Địa chỉ: 3203 nhà 34T, Trung Hòa, Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 (0)4 2221 2891 Fax: +84 (0)4 2221 2892
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

- ❖ **Công ty TNHH Kiểm toán KRESTON ACA Việt Nam** (Báo cáo tài chính 2010)

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Văn phòng Hà Nội

Địa chỉ: P. 1401, Tòa nhà 17T5, Trung Hòa – Nhân Chính, Hà Nội
Điện thoại: +84 (0)4 6281 1488 Fax: +84 (0)4 6281 1499
Email: contact@krestonaca.vn Website: www.krestonaca.vn

Chi nhánh Miền Trung

Địa chỉ: P.801, Tòa nhà CT1A, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An
Điện thoại: +84 (0)38 384 8810 Fax: +84 (0)38 356 0040



TỔ CHỨC TƯ VẤN

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 (0)8 3824 2897

Fax: +84 (0)8 3824 7430

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 (0)4 3936 6321

Fax: +84 (0)4 3936 6318

Email: ssi_hn@ssi.com.vn



MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro về kinh tế	6
2.	Rủi ro về luật pháp	8
3.	Rủi ro đặc thù ngành	8
4.	Rủi ro khác	9
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1.	Tổ chức niêm yết	10
2.	Tổ chức tư vấn	10
III.	CÁC KHÁI NIỆM	11
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	12
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	12
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	17
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	18
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	20
5.	Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết	22
6.	Hoạt động kinh doanh	23
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	39
8.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	41
9.	Chính sách đối với người lao động	44
10.	Chính sách cổ tức	47
11.	Tình hình hoạt động tài chính	48
12.	Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Trưởng phòng TCKT	58
13.	Tài sản	70
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	72
15.	Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	75
16.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	75
17.	Thông tin về những tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	75
V.	CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	76
1.	Loại chứng khoán	76
2.	Mã chứng khoán	76
3.	Mệnh giá	76
4.	Tổng số chứng khoán đăng ký niêm yết	76



5.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết-----	76
6.	Phương pháp tính giá-----	77
7.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài-----	80
8.	Các loại thuế có liên quan -----	80
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT -----	82
1.	Tổ chức tư vấn niêm yết-----	82
2.	Tổ chức kiểm toán-----	82
VII.	PHỤ LỤC-----	83

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế khách quan với những yếu tố cơ bản của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất...sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề. Là một Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện, Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4 cũng chịu sự tác động đáng kể trước những biến động chung của nền kinh tế.

1.1. Rủi ro từ tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt nam đã được được những thành tựu vượt bậc, tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2002-2011 xấp xỉ 7.2%/năm. Tuy nhiên vài năm gần đây, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động trực tiếp và tiêu cực đến sự phát triển kinh tế của hầu hết tất cả các doanh nghiệp ở hầu hết các ngành nghề. Sản xuất kinh doanh ở hầu hết các công ty sản xuất và kinh doanh dịch vụ đều giảm sút khi sức cầu của toàn bộ nền kinh tế suy giảm mạnh, thiếu vốn trong sản xuất và chi phí sản xuất đầu vào tăng cao.

Do tính chất đặc thù của ngành xây dựng nói chung, ngành xây lắp điện nói riêng, tốc độ phát triển của nền kinh tế, quá trình đô thị hóa và chiến lược phát triển của Chính phủ có ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng. Khi nền kinh tế tăng trưởng chậm, rơi vào suy thoái, nhu cầu xây dựng cơ bản, xây dựng cơ sở hạ tầng giảm, thêm vào đó là chính sách cắt giảm đầu tư công sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành xây lắp điện cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

Giai đoạn 2010-2012, là giai đoạn nền kinh tế Việt Nam có sự tăng trưởng không đồng đều, mất cân đối do những chính sách tài khóa, tiền tệ thiếu hợp lý. Năm 2010, với sự trợ giúp của gói kích cầu khá lớn của Chính phủ, nền kinh tế đã có sự phục hồi khá mạnh với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,7%, trong đó sản xuất công nghiệp tăng 14%, xuất khẩu tăng mạnh mặc dù xuất khẩu dầu khô giảm, tăng trưởng tín dụng cả năm đạt 27%. Tuy nhiên, gói kích cầu quá lớn này cũng là nguyên nhân tăng áp lực lạm phát. Lạm phát năm 2010 là 11,75%, tăng 1,7 lần so với năm 2009, tiền Đồng bị mất giá dẫn đến lãi suất cho vay tăng cao buộc Ngân hàng Nhà nước phải thực hiện các chính sách tiền tệ thắt chặt, điều chỉnh trần lãi suất huy động xuống mức 14%/năm.

Năm 2011, kinh tế Việt Nam tiếp tục vấp phải nhiều biến động: nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, đạt 5,89% chỉ cao hơn năm 2009 là 0,57%, lạm phát tăng cao kỷ lục ở mức 18,58%, thị trường bất động sản đóng băng, chứng khoán liên tiếp bắt đáy. Do đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/2011/NĐ-CP ngày 24/02/2011 về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, các chính sách tài khóa thắt chặt ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp. Năm 2011 có khoảng 50.000 doanh nghiệp bị phá sản.

Tiếp nối năm 2011, năm 2012 cũng là một năm nhiều thách thức đối với nền kinh tế. Mới chỉ trải qua 5



tháng đầu năm nhưng chúng ta đã phải đón nhận những số liệu khá thất vọng, tăng trưởng chậm lại, thất nghiệp gia tăng mạnh mẽ, hàng tồn kho chất đống. Các chính sách kinh tế chưa phát huy được hiệu quả, tâm lý sợ rủi ro khiến các gói kích cầu khó phát huy được hiệu quả. Trong xu hướng của nền kinh tế, ngành xây lắp điện chắc chắn sẽ phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty, đặc biệt nếu muốn niêm yết trên thị trường chứng khoán vào thời điểm hiện tại.

1.2. Rủi ro từ biến động lãi suất

Trong giai đoạn vừa qua, lãi suất đã có nhiều biến động với nhiều sự thay đổi trong chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Những thay đổi này trong chừng mực nào đó đều có những ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp, đặc biệt về khía cạnh tài chính với nguồn vốn tài trợ cho hoạt động kinh doanh được vay ngân hàng. Gần đây năm 2011, Nhà nước đã đưa ra các quy định về trần lãi suất cho vay tối đa bằng đồng Việt Nam, đặc biệt là Thông tư số 30/2011/TT-NHNN ngày 28/09/2011 quy định lãi suất tối đa đối với tiền gửi không kỳ hạn hoặc có kỳ hạn dưới 1 tháng là 6%/năm, có kỳ hạn trên 1 tháng tối đa là 14%/năm. Điều này phần nào đã giúp ổn định lại thị trường, tăng tính thanh khoản cũng như giảm tình trạng vay nợ lẫn nhau trên thị trường liên ngân hàng. Sang năm 2012, Ngân hàng Nhà nước lại có thêm những đợt điều chỉnh hạ lãi suất huy động: Đợt 1 ngày 12/03/2012 từ 14%/năm xuống 13%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng trở lên và 6%/năm xuống 5%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn hoặc có kỳ hạn dưới 1 tháng; đợt 2 ngày 11/04 tiếp tục hạ thêm 1% lãi suất, đưa lãi suất về 12%/năm. Gần đây nhất là đợt điều chỉnh ngày 28/05/2012, Ngân hàng Nhà nước đưa ra thông báo hạ lãi suất điều hành và trần lãi suất huy động thêm 1% đưa lãi suất xuống còn 11%.

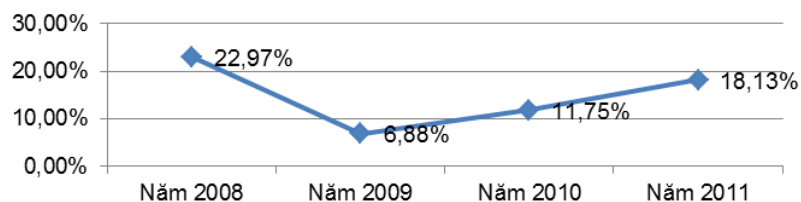
Những thay đổi trên là bước đi cần thiết đối với nền kinh tế khi mà nhiều doanh nghiệp đang phá sản, tốc độ tăng trưởng GDP quý I ở mức dưới 4%, các ngân hàng có dấu hiệu dư thừa nguồn vốn,

Riêng đối với VNECO4 là một doanh nghiệp trong lĩnh vực xây lắp, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ít chịu tác động của biến động lãi suất xét về phương diện huy động vốn ngân hàng. Hiện tại với số vốn tự có của mình, Công ty luôn đảm bảo hoạt động tốt, nhu cầu huy động vốn từ ngân hàng ở mức thấp.

1.3. Rủi ro từ biến động lạm phát

Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, thường đi kèm với nguy cơ lạm phát, mà theo đó, chi phí đầu vào của doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng mạnh mẽ. Việt Nam đang đối mặt với tình trạng lạm phát tương đối cao trong những năm trở lại đây do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế cũng như những chính sách đầu tư, kích cầu chưa hợp lý.

Biểu đồ 1: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO)

Năm 2012 được đánh giá là năm khá khó khăn đối với nền kinh tế do những vấn đề còn tồn đọng của năm 2011. Mục tiêu chính của nền kinh tế là ưu tiên kiềm chế lạm phát dưới 10% , ổn định kinh tế vĩ mô. Tỷ lệ lạm phát đã được kiểm soát khá tốt khi chỉ còn ở mức 6,88%. Chỉ số CPI trong 5 tháng đầu năm 2012 theo Tổng Cục Thống kê tăng 8,34% so với cùng kỳ năm trước và tăng 2,78% so với tháng 12/2011. Sự biến động tăng của lạm phát sẽ có ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4. Rủi ro từ biến động tỷ giá

Với những đặc thù của ngành xây dựng nói chung và ngành xây lắp điện nói riêng, Công ty không thực hiện nhiều các giao dịch thương mại quốc tế, vì thế những biến động tỷ giá sẽ không ảnh hưởng lớn mang tính chi phối đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với những hợp đồng nhập khẩu một số nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, những biến động tỷ giá của Việt Nam đồng cũng sẽ có những ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện, và hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty chịu sự chi phối của hệ thống luật Việt Nam, cụ thể

- ❖ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện;
- ❖ Luật Xây dựng và các Thông tư, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng.
- ❖ Luật Lao động, luật Dân sự, luật đất đai và các hướng dẫn thi hành luật.

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (kể từ tháng 11/2007) và hiện đang tiến hành từng bước những cải tổ về hành lang pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế. Quá trình chỉnh sửa, hướng dẫn các văn bản Luật kéo dài và có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn trong hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, việc thực thi pháp luật chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của VNECO4.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro thanh toán

Trong hoạt động xây dựng, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần trong khi việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, trong quá trình hoạt động, Công ty cần nhiều vốn lưu động để duy trì hoạt động và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó nếu không có kế hoạch tài chính phù hợp thì Công ty sẽ đối mặt với tình trạng mất khả năng thanh toán.



3.2. Rủi ro về nguồn nhân lực

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là xây lắp đường dây và trạm, công việc có tính chất lưu động cao, khó khăn, vất vả, nguy hiểm. Vì thế lực lượng lao động có kỹ thuật xây lắp đường dây và trạm là một nhân tố quan trọng nhất của Công ty. Tuy nhiên lực lượng lao động có kinh nghiệm và đã qua đào tạo của Công ty luôn có nguy cơ bị thất thoát do phía các doanh nghiệp trong ngành và một số ngành nghề khác. Do đó bên cạnh những chế độ, chính sách đãi ngộ lao động hợp lý, Công ty cần có định hướng phát triển, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo sự ổn định và phát triển trong tương lai.

3.3. Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu

Sắt thép, vật liệu xây dựng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất cột thép và xây lắp các công trình điện. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại sắt thép, giá cả của một số mặt hàng chủ yếu cũng như giá cả xăng, dầu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, sự bất ổn định trong nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công của các công trình xây dựng điện của Công ty.

3.4. Rủi ro về thị trường

Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại Quốc tế WTO tạo ra cơ hội và thách thức đòi hỏi thị trường xây lắp điện phải gia tăng năng lực cạnh tranh, phát triển phù hợp tiêu chuẩn và thông lệ Quốc tế. Việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh rất cao đối với những doanh nghiệp xây lắp điện hiện đang hoạt động. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh mẽ và phong cách quản lý hiện đại sẽ là những đối thủ cạnh tranh thực sự đối với các doanh nghiệp trong nước. Để hạn chế rủi ro này, Công ty thường xuyên nâng cao sức cạnh tranh của mình bằng việc đầu tư thiết bị và công nghệ tiên tiến, nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động thi công xây lắp, giữ uy tín với khách hàng bằng chất lượng các công trình do mình triển khai thi công.

4. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất ...) chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Trần Văn Huy	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phan Huy Thành	Chức vụ: Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Tam	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Trần Thị Thúy Vân	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Chức vụ: Giám đốc Tài chính

(Giấy ủy quyền số: 07/2006/UQ-SSI do Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ký ngày 22/02/2006)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO4. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO4 cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

- ❖ UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- ❖ Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4
- ❖ Tổng Công ty/Công ty mẹ : Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- ❖ Công ty/VNECO4/VE4 : Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4
- ❖ SSI : Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
- ❖ HĐQT : Hội đồng Quản trị
- ❖ BKS : Ban kiểm soát
- ❖ Tổ chức tư vấn : Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội
- ❖ Điều lệ Công ty : Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4
- ❖ CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ❖ ĐHĐCĐ : Đại Hội đồng cổ đông
- ❖ VDL : Vốn điều lệ
- ❖ CP : Cổ phiếu
- ❖ Công trình ĐD : Công trình Đường dây

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

- ❖ Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4
- ❖ Tên giao dịch đối ngoại: VNECO4 ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT-STOCK COMPANY
- ❖ Tên viết tắt: VNECO4
- ❖ Địa chỉ: Số 197 Nguyễn Trường Tộ, Tp Vinh, Tỉnh Nghệ An
- ❖ Điện thoại: +84 (0)38 353 1065 Fax: +84 (0)38 385 3433



- ❖ Logo:
- ❖ Giấy CN ĐKKD: Số 2703000185 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2003 và giấy chứng nhận doanh nghiệp số: 2900574674 do Sở KHĐT Nghệ An cấp thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 7 năm 2012.
- ❖ Vốn điều lệ: 10.280.000.000 (Mười tỷ hai trăm tám mươi triệu) đồng.
- ❖ Ngành nghề kinh doanh:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh chính

STT	Ngành
1	Lắp đặt hệ thống điện
2	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
3	Phá dỡ; bán buôn máy móc; Thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu; Thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá
5	Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
6	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; Lò sưởi và điều hoà không khí
7	Gia công cơ khí ; Xử lý và tráng phủ kim loại
8	Xây dựng công trình công ích; Chuẩn bị mặt bằng; Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất máy chuyên dụng khác; Xây dựng nhà các loại
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
10	Kinh doanh bất động sản; Quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; Chủ sử dụng hoặc đi thuê

STT	Ngành
11	Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa thiết bị điện; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
12	Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Buôn đồ dùng khác cho gia đình

Nguồn: VNECO4

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 tiền thân là Xí nghiệp cơ điện thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam) được thành lập từ năm 1989.

Ngay sau ngày thành lập, Xí nghiệp bắt đầu triển khai ngay ngành nghề xây lắp đường dây và trạm có cấp điện áp đến 220kV, gia công chế tạo cột thép mạ kẽm cho đường dây có cấp điện áp đến 220kV (trong đó có cột vượt sông Gianh của ĐD 220 kV Vinh - Đồng Hới), chế tạo thành công một số loại phụ kiện điện mà trước đây Công ty phải nhập ngoại từ Liên Xô cũ.

- ❖ Năm 2003, thực hiện chính sách cổ phần hóa các doanh nghiệp của Nhà nước để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, Xí nghiệp cơ điện được chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên gọi Công ty cổ phần xây lắp điện 3.4 theo Quyết định số 121/2003/QĐ-BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp là công ty thành viên thuộc Công ty xây lắp điện 3.
- ❖ Năm 2006, Công ty cổ phần xây lắp điện 3.4 được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4. Hiện nay Công ty có biên chế đầy đủ các phòng ban nghiệp vụ quản lý, các đội xây lắp điện, xưởng sản xuất công nghiệp và đội xe máy thi công. Công ty đã tuyển dụng và đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề có nhiều kinh nghiệm trong nghề xây lắp các công trình tải điện trên không có cấp điện áp đến 500kV và xây lắp các trạm biến áp có cấp điện áp đến 220kV. Công ty đã tham gia thi công xây lắp các công trình ĐD 500kV Bắc Nam mạch 1; mạch 2; ĐD 500kV Pleiku - Phú Lâm, ĐD 500kV Quảng Ninh - Thường Tín ; ĐD 500kV Sơn La - Hòa Bình - Nho Quan, ĐD 500kV Sơn La - Hiệp Hòa, ĐD 220 kV Tuyên Quang-Yên Bái; ĐD 220 kV Yên Bái- Lào Cai và nhiều công trình điện trọng điểm khác trên mọi miền đất nước.
- ❖ Năm 2008, từ vốn điều lệ ban đầu là 5,15 tỷ đồng Công ty đã nâng lên trên 8,2 tỷ đồng và hiện nay vốn điều lệ thực góp là 10,28 tỷ đồng. Sản xuất kinh doanh của Công ty liên tục tăng trưởng qua từng năm, sản lượng, doanh thu hàng năm đều tăng, năm sau cao hơn năm trước.
- ❖ Mặc dầu có sự cạnh tranh hết sức quyết liệt trên thị trường xây dựng điện, tuy nhiên Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4 có đủ năng lực và kinh nghiệm thi công để tham gia các công trình, dự án điện có cấp điện áp đến 500 kV và thực tế đã chứng minh được thương hiệu của mình trên thị trường xây dựng điện và đã được các Ban quản lý dự án các công trình điện và Tập đoàn điện lực Việt Nam đánh giá cao.
- ❖ Trong những năm qua, VNECO4 liên tục được các cấp, các ngành tuyên dương, khen thưởng do các thành tích sản xuất kinh doanh và thi công các công trình điện. Một trong số bằng khen đó như các hình dưới đây:

Hình 1: Huân chương Lao động hạng ba của Chủ tịch Hội đồng nhà nước khen tặng ngày 04/01/1991



Hình 2: Huân chương lao động hạng nhì của Chủ tịch nước khen tặng ngày 05/12/1994



Hình 3: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ngày 06/01/2006



Hình 4: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ngày 02/01/2007



Hình 5: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 25/08/2008



Hình 6: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Công thương ngày 17/03/2010



Nguồn: VNECO4

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ

Đơn vị: nghìn đồng

Thời gian	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Giá trị tăng thêm	Căn cứ pháp lý
Cổ phần hóa tháng 10/2003	5.150.000	5.150.000	-	Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 2703000185 cấp ngày 31/10/2003
Lần 1: Tháng 02/2007	6.626.000	6.626.000	1.476.000	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/02/2007
Lần 2: Tháng 04/2007	8.250.000	8.224.210	1.598.210	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/02/2007
Tháng 03/2008	12.500.000	8.224.210	-	Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2008 nhưng không thực hiện do điều kiện thị trường xấu.
Lần 3: Tháng 03/2010	12.500.000	9.046.631	822.421	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2010/NQ-VNECO4-ĐHĐCĐ ngày 25/02/2010
Lần 4: Tháng 04/2011	11.219.270	11.219.271	2.172.640	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2011/NQ-VNECO4-ĐHĐCĐ ngày 24/02/2011
Tháng 11/2011	11.219.270	10.280.000	(939.270)	Hoàn lại lại cổ phiếu cho các nhà đầu tư (Thực hiện theo công văn số 3231/UBCK-TT ngày 05/10/2011 của UBCKNN)

Nguồn: VNECO4

- ❖ Lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 5.150.000.000 đồng lên 6.626.000.000 đồng
 - Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu



- Tỷ lệ phát hành: Tăng vốn điều lệ theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2007 từ chuyển quỹ đầu tư phát triển
 - Số lượng phát hành: 147.600 cổ phiếu
 - Giá trị phát hành: 1.476.000.000 đồng
 - Số lượng cổ đông: 142 cổ đông
 - Thời gian phát hành: 12/02/2007
- ❖ Lần 2: Tăng vốn điều lệ từ 6.626.000.000 đồng lên 8.224.210.000 đồng
- Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
 - Tỷ lệ phát hành: 4:1
 - Số lượng phát hành: 165.650 cổ phiếu
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Số lượng cổ đông: 150 cổ đông
 - Thời gian phát hành: 04/2007
 - Kết quả phát hành:
 - Do điều kiện thị trường xấu nên Công ty chỉ phân phối được 159.821 cổ phiếu. Toàn bộ số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua đã được Công ty quyết định hủy bỏ.
 - Như vậy vốn điều lệ tăng lên 8.224.210.000 đồng
- ❖ Lần 3: Tăng vốn điều lệ từ 8.224.210.000 đồng lên 9.046.630.000 đồng
- Phương thức phát hành: Trả cổ tức bằng cổ phiếu
 - Nguồn: 10% lợi nhuận chưa phân phối năm 2009
 - Thời gian phát hành: 03/2010
 - Số lượng phát hành: 82.242 cổ phiếu
 - Số lượng cổ đông: 142 cổ đông
- ❖ Lần 4: Tăng vốn điều lệ từ 9.046.630.000 đồng lên 11.219.270 đồng
- Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
 - Tỷ lệ phát hành: 1:1
 - Số lượng phát hành: 217.264 cổ phiếu
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Số lượng cổ đông: 141 cổ đông
 - Thời gian phát hành: 20/04/2011

- Kết quả phát hành:
 - Số cổ phần cổ đông đã mua là 217.264 cổ phiếu
 - Tuy nhiên, VNECO4 đã thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 12 Luật Chứng khoán (vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm chào bán là 9,04 tỷ đồng).
 - Do đó, ngày 05/10/2011, UBCKNN đã ban hành Quyết định số 753/QĐ-UBCK về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 8 Nghị định 85/2010/NĐ-CP ngày 02/08/2010 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 - Công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp phạt đầy đủ và báo cáo với ĐHĐCĐ về các thiếu sót, sai phạm nêu trên.
 - Thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tại công văn số 3221/UBCK-TT ngày 05/10/2011, VNECO4 cũng hoàn trả lại tiền mua chứng khoán cho một số nhà đầu tư có yêu cầu. Tổng số tiền hoàn trả nhà đầu tư là 939.270.000 đồng.
 - Công ty đã ghi giảm vốn điều lệ thực góp xuống còn 10.280.000.000 đồng.
 - Theo công văn số 4563/UBCK-QLPH ngày 30/12/2011 thì kể từ ngày 30/12/2011 VNECO4 chính thức được chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

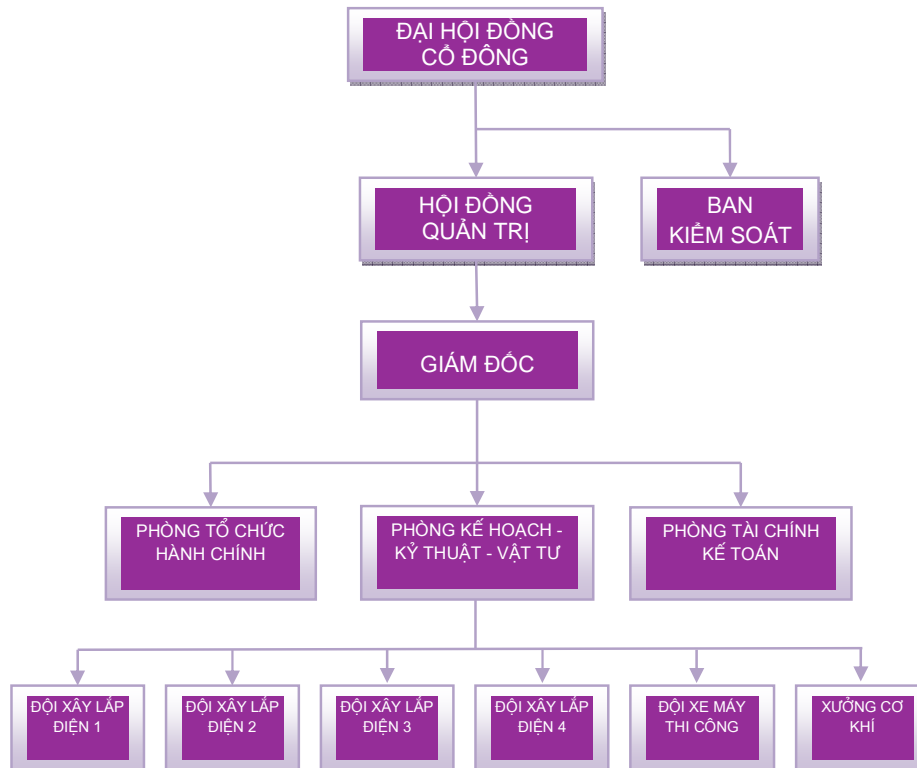
2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- ❖ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- ❖ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- ❖ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4.
- ❖ **Trụ sở chính:**
 - Địa chỉ: Số 197, Nguyễn Trường Tộ, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An
 - Điện thoại: +84 (0)38 353 1065 Fax: +84 (0)38 385 3433

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Hình 7: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Nguồn: VNECO4

❖ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát...

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra bao gồm 5 thành viên:

- Ông Trần Văn Huy Chủ tịch HĐQT
- Ông Phan Huy Thành Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Bốn Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Ngọc Ân Ủy viên HĐQT
- Ông Lê Văn Huyền Ủy viên HĐQT

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và có trách nhiệm triển khai các chương trình hành động và các nghị quyết của HĐQT trong năm kế hoạch, đồng thời điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

- Ông Phan Huy Thành Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Bốn Phó giám đốc

❖ **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Công ty theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Cơ cấu ban kiểm soát hiện tại như sau:

- Bà Trần Thị Thúy Vân Trưởng ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Năng Đồng Ủy viên Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Thúy Hà Ủy viên Ban kiểm soát

❖ **Các phòng chức năng**

- Phòng Kế hoạch- Kỹ thuật- Vật tư

Phòng Kế hoạch- Kỹ thuật- Vật tư là phòng chuyên môn tham mưu cho Giám đốc về các lĩnh vực công tác kế hoạch sản xuất - kinh doanh, tìm kiếm việc làm, công tác thị trường đầu thầu; thanh, quyết toán công trình; thống kê báo cáo theo quy định hiện hành; đền bù giải phóng mặt bằng trong thi công; quản lý kỹ thuật, kỹ thuật an toàn thi công xây lắp và sản xuất công nghiệp; quản lý vật tư, xe máy và dụng cụ thi công ... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh chung của Công ty... và các công tác khác có liên quan.

- Phòng tổ chức lao động hành chính:

Phòng tổ chức lao động hành chính là phòng chuyên môn tham mưu cho Giám đốc về tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, chế độ chính sách, BHXH, hành chính quản trị văn phòng, thanh tra bảo vệ, an ninh quốc phòng, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật và có các nhiệm vụ chủ yếu:

- Chủ trì xây dựng phương án tổ chức bộ máy sản xuất - kinh doanh, bố trí nhân sự
- Quản lý hồ sơ, lý lịch, giải quyết thủ tục về chế độ tuyển dụng, thôi việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, chế độ hưu trí
- Kế hoạch chương trình đào tạo, tuyển dụng, bồi dưỡng nghiệp vụ, tay nghề
- Xây dựng quy chế phân phối quỹ lương và trả lương, quy chế khen thưởng, quy chế tuyển dụng, quy chế phân cấp, nội quy lao động

- Quản lý lao động, tiền lương của người lao động
 - Công tác BHXH, BHYT, BHTN, BHTT
 - Công tác quản trị văn phòng
 - Công tác thanh tra bảo vệ...
 - Và các công tác khác có liên quan.
- Phòng Tài chính - Kế toán:

Phòng tài chính kế toán là phòng chuyên môn đầu mối giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực tài chính kế toán và có nhiệm vụ chủ yếu: quản lý, theo dõi và kiểm tra về thực hiện các chế độ về tài chính, kế toán và quản lý tài sản; lập kế hoạch tài chính hàng năm và kế hoạch vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và cơ cấu nguồn vốn cho các dự án, các công trình mà Công ty thi công, đề xuất phương án huy động vốn, tổng hợp chi phí sản xuất, phân tích hoạt động tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, trích lập các quỹ ... và các công tác khác có liên quan.

- Các đội xây lắp điện, xây dựng:

Là thành viên của Công ty chuyên xây dựng, lắp đặt các công trình điện do Công ty giao có nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Công ty giao và các nhiệm vụ được Công ty uỷ quyền nhằm đảm bảo tiến độ công trình, chất lượng và hiệu quả.

- Xưởng cơ khí:

Là thành viên của Công ty chuyên gia công, chế tạo các kết cấu thép, chế tạo, sửa chữa dụng cụ thi công, một số phụ kiện điện phục vụ thi công các công trình điện có nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Công ty giao và các nhiệm vụ được Công ty uỷ quyền nhằm đảm bảo sản phẩm cung cấp đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty

Tính đến thời điểm 13/07/2012, số cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần theo danh sách sau:

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 13/07/2012

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ trọng vốn góp (%)
1	Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam	234 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng	562.602	54,73

Nguồn: VNECO4

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 4: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 31/10/2003

STT	Danh sách cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký HKTT đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Theo giấy CNĐKKD lần đầu ngày 31/10/2003		Thực góp	
			Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (Công ty Xây lắp điện 3)	234 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng	30.127	58,50	562.602	54,73
2	Nguyễn Thị Thanh Hà	Phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	810	1,57	12.879	1,25
3	Nguyễn Thị Ngân	Phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	340	0,66	5.911	0,58
4	Trần Đức Việt	Phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	411	0,80	12.200	1,19
5	Nguyễn Văn Bốn	Phường Đông Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	256	0,50	7.546	0,73
6	Các cổ đông khác		19.556	37,97	426.862	41,52
Tổng cộng			51.500	100,00	1.028.000	100,00

Nguồn: VNECO4

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 quy định: Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Công ty chính thức hoạt động theo đăng ký kinh doanh kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2003. Vì thế mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 13/07/2012

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Trong nước	139	1.028.000	10.280.000.000	100,00%
a.	Tổ chức	2	575.386	5.753.860.000	55,97%
	Tổng Công ty xây lắp điện Việt Nam	1	562.602	5.626.020.000	54,73%
	Công đoàn Công ty	1	12.784	127.840.000	1,24%
b.	Cá nhân	137	452.614	4.526.140.000	44,03%
	Trong Công ty	55	209.320	2.093.200.000	20,36%
	Ngoài Công ty	82	243.294	2.432.940.000	23,67%



STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
2	Nước ngoài	0	0	0	0,00%
Tổng cộng		139	1.028.000	10.280.000.000	100,00%

Nguồn: VNECO4

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Danh sách Công ty mẹ

Bảng 6: Danh sách công ty mẹ của tổ chức đăng ký niêm yết tại 13/07/2012

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ theo vốn thực góp (%)
1	Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO)	234 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng	562.602	54,73

Nguồn: VNECO4

❖ Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO – Mã chứng khoán VNE)

- Hoạt động kinh doanh: xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi, văn hóa, thể thao; thiết kế chế tạo kết cấu thép; sản xuất các chủng loại vật tư; sản xuất và kinh doanh điện;

5.2. Danh sách những Công ty con

Không có

5.3. Công ty liên doanh – liên kết

Không có

5.4. Danh sách những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

5.5. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng các công trình điện năng (đường dây, trạm biến áp điện thế đến 500 kV), công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, viễn thông; sản xuất phụ kiện điện, thiết kế chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí; kinh doanh vật liệu xây dựng như xi măng, sắt thép; vận tải hàng hoá đường bộ...

Hoạt động kinh doanh chính hiện nay của Công ty bao gồm thi công xây lắp đường dây và thi công xây lắp trạm biến áp.

❖ Thi công xây lắp đường dây

Hình 8: Đúc bê tông móng cột đường dây 220 KV



Nguồn: VNECO4

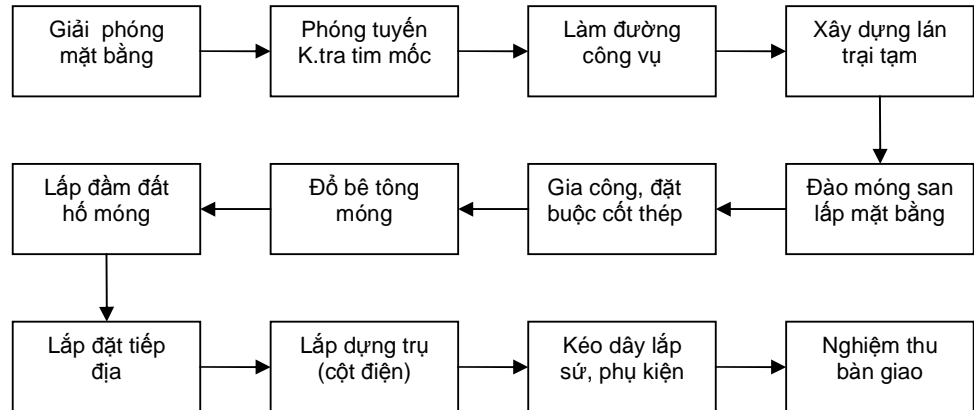
Hình 9: Căng dây 220 KV



Nguồn: VNECO4

Quy trình xây lắp đường dây được mô tả theo sơ đồ dưới đây:

Hình 10: Sơ đồ quy trình xây lắp đường dây



Nguồn: VNECO4

- Sau khi nhận mặt bằng, phối hợp với chính quyền sở tại lập phương án đền bù với các chủ hộ tài sản có đường dây xây dựng qua để giải phóng mặt bằng.
- Tiến hành tổ chức phóng lại tuyến kiểm tra tìm mốc, đối chiếu số liệu bàn giao tuyến có bị sai lệch không để lập báo cáo hoàn công tuyến.
- Làm đường công vụ để vận chuyển tập kết vật tư đến vị trí móng.
- Xây dựng lán trại ổn định nơi ăn ở cho công nhân và tập kết bảo quản vật tư, thiết bị, dụng cụ thi công.
- Triển khai đào san gạt mặt bằng và đào hố móng theo kích thước bản vẽ thiết kế.
- Đúc bê tông lót móng theo bản vẽ.
- Gia công đặt buộc cốt thép móng.
- Lắp ghép cốt pha để tiến hành đổ bê tông móng, bảo dưỡng bê tông theo qui định.
- Nghiệm thu chuyển bước thi công để lắp đầm đất hố móng.
- Đào rải, lắp đặt tiếp địa.
- Lắp dựng cột.
- Rải căng dây lấy độ võng, lắp đặt sứ phụ kiện và đấu nối .
- Lập đầy đủ hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật theo qui định, tổ chức nghiệm thu bàn giao công trình vào sử dụng.

❖ **Thi công xây lắp trạm biến áp**

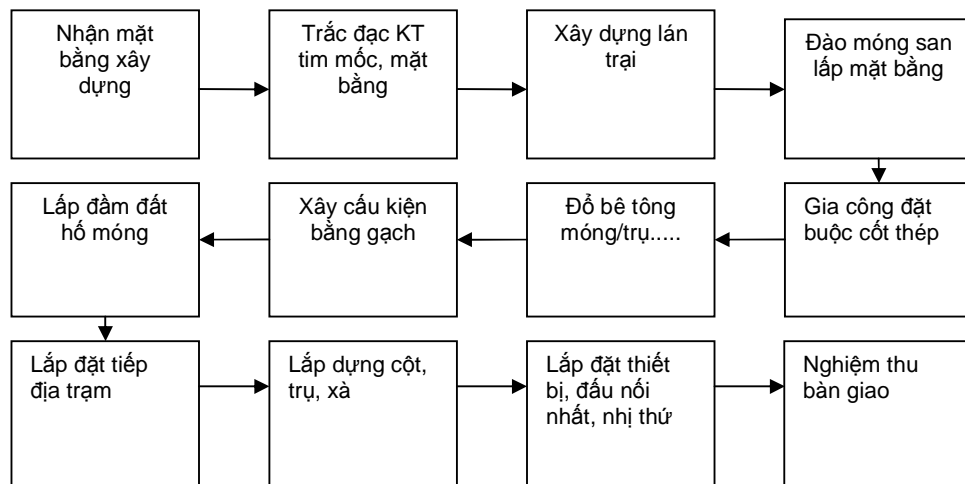
Hình 11: Xây lắp trạm biến áp 220 KV



Nguồn: VNECO4

Quy trình xây lắp trạm biến áp được mô tả theo sơ đồ dưới đây:

Hình 12: Sơ đồ quy trình xây lắp trạm biến áp



Nguồn: VNECO4

- Nhận bàn giao mặt bằng xây dựng
- Kiểm tra lại tìm mốc và cốt nền xây dựng trạm
- Xây dựng lán trại nhà tạm ổn định chỗ ở cho công nhân và kho bãi tập kết vật tư, thiết bị.
- Đào đất hố móng, mương cáp, hệ thống thoát nước.
- Lắp ghép cốt pha tiến hành đổ bê tông.
- Xây nhà điều hành, hệ thống mương cáp, mương thoát nước, hố ga các loại.
- Đào rải lắp hệ thống tiếp địa trạm.
- Lắp dựng cột cổng, cột chiếu sáng, trụ đỡ thiết bị các loại

- Lắp đặt thiết bị trạm.
- Đấu nối dây xuống thiết bị nhất thứ.
- Đấu nối dây phân nhị thứ.
- Thí nghiệm hiệu chỉnh.
- Lập hồ sơ nghiệm thu bàn giao công trình

6.2. Sản lượng sản phẩm và dịch vụ qua các năm

Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4 là đơn vị thành viên của Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam; là một trong những đơn vị mạnh trong lĩnh vực xây dựng điện trên toàn quốc, đặc biệt là thị trường xây dựng điện phía Bắc và Miền Trung-Tây Nguyên. Công ty đã tham gia thi công nhiều công trình điện trọng điểm của quốc gia có cấp điện áp đến 500kV đảm bảo tiến độ, yêu cầu chất lượng cao; được các Chủ đầu tư, Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia NPT và Tập đoàn điện lực Việt nam EVN đánh giá cao.

Công ty có 4 Đội xây lắp điện, 1 Xưởng cơ khí, 1 Đội xe máy thi công với đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao và đội ngũ cán bộ quản lý có đầy đủ năng lực và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý và kỹ thuật thi công xây lắp và gắn bó lâu dài với công ty. Để đảm bảo đủ năng lực thi công các công trình, Công ty đã trang bị hệ thống thiết bị, xe máy thi công hiện đại, chuyên ngành phục vụ thi công xây lắp điện.

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu theo mảng dịch vụ các năm qua

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dịch vụ	2010		2011		6 tháng đầu năm 2012	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu hợp đồng xây dựng	33.859	99,26%	37.518	98,12%	11.956	99,74%
2	Doanh thu khác	254	0,74%	719	1,88%	31	0,26%
Tổng cộng		34.113	100,00%	38.237	100,00%	11.987	100,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2011 và BCTC QII/2012 của VNECO4

- ❖ Doanh thu chủ yếu đến từ các hợp đồng xây dựng thi công xây lắp các công trình đường dây, các công trình điện năng chiếm khoảng 98% đến 99% tổng doanh thu công ty.
- ❖ Doanh thu khác bao gồm các khoản thu được từ việc nhượng bán vật tư, nguyên vật liệu cho các đơn vị khác trong Tổng Công ty.
- ❖ Doanh thu từ hợp đồng xây dựng 6 tháng đầu năm 2012 chỉ đạt 11,96 tỷ đồng do Công ty chưa quyết toán hết mặc dù đã thực hiện công việc. Thông thường khối lượng công việc của các công trình xây lắp dồn nhiều vào quý 3 và quý 4 hàng năm nên phần lớn doanh thu cũng được quyết toán trong các quý này. Tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2012 là 11,99 tỷ đồng đạt 28% kế hoạch doanh

thu cả năm 2012.

Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo mảng dịch vụ qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dịch vụ	2010		2011		6 tháng đầu năm 2012	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Hợp đồng xây dựng	7.472	99,45%	6.811	99,56%	470	96,11%
2	Khác	41	0,55%	30	0,44%	19	3,89%
Tổng cộng		7.513	100,00%	6.841	100,00%	489	100,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011 và Báo cáo tài chính Quý II/2012

- ❖ Lợi nhuận gộp từ các hợp đồng xây dựng luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng lợi nhuận gộp của Công ty và duy trì ở mức ổn định.
- ❖ 6 tháng đầu năm 2012, do giá vốn hàng bán của mảng hợp đồng xây dựng cao nên Công ty chỉ đạt được 489 triệu đồng lợi nhuận gộp từ mảng này.

Trong 5 năm qua, Công ty đã trực tiếp thi công tại nhiều công trình điện.

Bảng 9: Danh sách các công trình đã thực hiện

STT	Tên công trình	Giá trị (triệu đồng)
1	Công trình đường dây 500kV Quảng Ninh - Thường Tín	5.527
2	Công trình đường dây 220kV Bản Lã - Vinh	5.791
3	Công trình đường dây 220kV Tuyên Quang - Yên Bái	25.887
4	Công trình đường dây 220kV Yên Bái - Lào Cai	12.219
5	Công trình đường dây 220kV Hà Khẩu - Lào Cai	1.422
6	Công trình đường dây 220kV Tuyên Quang-Bắc Cạn-Thái Nguyên	8.303
7	Công trình đường dây 110kV kết hợp ĐD 220kV Sóc Sơn-Thái Nguyên	9.317
8	Công trình đường dây 220kV Nhiệt điện Hải Phòng - Đình Vũ	18.009
9	Kéo dây mạch 2 ĐD220kV Trảng Bạch - Vật Cách - Đồng Hòa và mở rộng ngăn lộ TBA220kV Trảng Bạch và TBA220kV Đồng Hòa	2.324
10	Công trình đường dây 110kV Kỳ Anh - Vũng áng 1	7.232
11	Công trình đường dây 220kV Ô Môn - Sóc Trăng	296
12	Công trình đường dây 110kV Trảng Bàng - Tây Ninh	283
13	Công trình đường dây 500kV Sơn La - Hòa Bình - Nho Quan (Lô 12.3)	3.607
14	Công trình đường dây 500kV Sơn La - Hòa Bình - Nho Quan (Lô 13.1)	8.151
15	Công trình đường dây 500kV Sơn La - Hiệp Hòa (Lô 7.1)	2.312
16	Công trình đường dây 220kV Thị xã Sơn La - TBA500kV Sơn La	13.789

STT	Tên công trình	Giá trị (triệu đồng)
17	Công trình đường dây 110kV Đồng Hòa - Long Bối	18.066
18	Xử lý pha đất ĐD 220kV Hòa Bình - Hà Đông 1	711
19	Xử lý pha đất ĐD 220kV Hà Đông - Nho Quan	744
20	Xử lý pha đất ĐD 500kV Hà Tĩnh - Nho Quan	1.967
21	Xây mới TBA110KV Giao Thủy - Nam Định	5.275
22	Dự án nâng công suất TBA220kV Hà Đông	3.741
24	Gói thầu số 6 phần móng và tiếp địa ĐD 110kV Đồng Hới - Đông Hà	4.366
25	Gói thầu số 7 phần cột và dây ĐD 110kV Đồng Hới - Đông Hà	3.479
26	Công trình hệ thống chiếu sáng hồ Vực Mầu - Quỳnh Lưu - Nghệ An	2.940
27	Công trình ĐD 500kV Sơn La - Hòa Bình - Nho Quan (Lô 12.3), Cung đoạn từ VT 387÷ VT 392 và đoạn từ VT 358÷ VT 361	3.607
28	Công trình ĐD 500kV Sơn La - Hòa Bình - Nho Quan (Lô 13.1), Cung đoạn từ VT 401÷ VT 411 và đoạn từ VT 443 ÷ VT444	8.151
29	Công trình ĐD 500kV Sơn La - Hiệp Hòa (Lô 7.1)	7.312

Nguồn: VNECO4

Hình 13: Hình ảnh một số công trình đã hoàn thành



Đường dây 220KV Sóc Sơn – Thái Nguyên



Đường dây 220KV Tuyên Quang – Yên Bái



Trạm biến áp 220KV Đồng Hoà - Hải Phòng



Đường dây 500Kv Sơn La – Hòa Bình

Nguồn: VNECO4

6.3. Thị trường hoạt động

❖ Lĩnh vực xây lắp công trình điện và gia công cơ khí

Lĩnh vực xây lắp các công trình điện và gia công chế tạo kết cấu thép là ngành nghề truyền thống của VNECO4. Tất cả các hợp đồng xây lắp cũng như hợp đồng chế tạo cột đều được ký kết với các đối tác sau:

- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung
- Ban QLDA phát triển điện lực - thuộc Tổng công ty điện lực miền Bắc
- Ban QLDA lưới điện - thuộc Tổng công ty điện lực miền Bắc
- Ban QLDA lưới điện - thuộc Tổng công ty điện lực miền Trung
- Công ty Truyền tải điện 1
- Công ty TNHH MTV Điện Lực Hải Phòng
- Tổng công ty CP XD điện Việt Nam
- Công ty CP XD điện VNECO5
- Công ty CP XD điện VNECO9

❖ Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ thương mại vật liệu xây dựng

- Công ty TNHH thép VSC-POSCO (Việt Hàn)
- Các đại lý cấp 2 trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh

❖ Nhóm khách hàng mục tiêu

- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung
- Ban QLDA phát triển điện lực - thuộc Tổng công ty điện lực miền Bắc
- Ban QLDA lưới điện - thuộc Tổng công ty điện lực miền Bắc
- Công ty TNHH MTV Điện Lực Hải Phòng
- Ban QLDA lưới điện - thuộc Tổng công ty điện lực miền Trung
- Công ty Truyền tải điện 1
- Tổng công ty CP XD điện Việt Nam

❖ Thị trường hoạt động chính hiện nay của công ty

Hiện nay Công ty đang phát huy thế mạnh về lĩnh vực xây lắp điện để tham gia các dự án điện trọng

điểm trên địa bàn các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình, Phú Thọ, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Hà Tĩnh và Nghệ An.

❖ **Các thị trường mục tiêu và tiềm năng**

Các thị trường mục tiêu là thị trường xây lắp các công trình đường dây trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên.

Thị trường kinh doanh xi măng, sắt thép chủ yếu là địa bàn Nghệ An, Hà Tĩnh và các tỉnh mà Công ty có xây dựng công trình điện.

Đây cũng chính là các thị trường tiềm năng của Công ty.

6.4. Nguyên vật liệu

Trong công tác xây dựng công trình lưới điện Nhà thầu chủ yếu cung cấp vật liệu chính: Xi măng, sắt thép xây dựng, thép hình, thép tấm gia công chế tạo kết cấu thép như cột điện, xà trụ đỡ thiết bị trạm biến áp, bu lông neo, tiếp địa mạ kẽm nhúng nóng, cát bê tông, đá học, đá dăm các loại, gạch nung, cột bê tông ly tâm.

❖ **Sự biến động giá thành nguyên vật liệu làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty**

Năm 2011 giá cả của hầu hết các loại vật liệu xây dựng đều biến động tăng so với năm 2010 gây ảnh hưởng không nhỏ đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến đầu năm 2012, giá vật liệu xây dựng đang ở mức ổn định và có phần giảm so với năm 2011. Sự biến động giá cả vật liệu xây dựng trong thời gian qua đối với các loại mà Công ty thường xuyên sử dụng đưa vào xây lắp công trình được thể hiện theo số liệu sau:

Bảng 10: So sánh đơn giá các vật liệu chính trong thời kỳ 2010 – 6 tháng đầu năm 2012

STT	Loại	Đơn vị	Đơn giá bình quân				
			Năm 2010	Năm 2011	% tăng/giảm so với năm 2010	6 tháng đầu năm 2012	% tăng/giảm so với năm 2011
1	Xi măng	Đồng/tấn	945.455	1.236.400	1,31	1.236.364	-0,00
2	Thép xây dựng	Đồng/kg	14.408	16.473	1,14	16.438	-0,21
3	Bu lông neo	Đồng/kg	24.500	26.500	1,08	25.500	-3,77
4	Tiếp địa mạ kẽm nhúng nóng	Đồng/kg	22.500	27.800	1,24	25.500	-8,27
5	Cát vàng	Đồng/m ³	59.000	100.000	1,69	113.600	13,60
6	Đá học	Đồng/m ³	131.800	163.600	1,24	163.600	0,00
7	Đá dăm 2x4	VNĐ/m ³	150.000	181.000	1,21	181.800	0,44
8	Đá dăm 4x6	VNĐ/m ³	140.000	172.700	1,23	172.700	0,00

Nguồn: VNECO4

❖ **Nhà cung cấp chính**

Do tính chất đặc thù của nghề nghiệp hoạt động trải dài khắp mọi nơi trên toàn quốc nên việc lựa chọn nhà cung cấp chính phải phụ thuộc theo địa điểm xây dựng của công trình để nhằm giảm thiểu chi phí vận chuyển, tiết kiệm chi phí sản xuất. Để đảm bảo chất lượng và uy tín cấp hàng Công ty đặt tiêu chí sau để lựa chọn nhà cung cấp chính cho công ty theo các điều kiện:

- Chất lượng vật tư phải đảm bảo chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn ngành.
- Chủ động trong công tác vận chuyển hàng hóa đến chân công trình
- Giá cả và phương thức thanh toán phù hợp.
- Tiến độ cấp hàng đáp ứng theo yêu cầu.
- Nhà cung cấp phải là đơn vị có uy tín, có năng lực, vật tư cung cấp phải đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng theo các quy chuẩn chất lượng Việt Nam và được chủ đầu tư chấp thuận;
- Đối với các loại vật liệu chính, mỗi công trình cần trung bình từ 2-3 nhà cung cấp để hạn chế rủi ro của yếu tố phụ thuộc.

Căn cứ các tiêu chí như trên, Công ty đã hợp tác và xây dựng mối quan hệ truyền thống, ổn định với các nhà cung cấp có uy tín và thương hiệu trên thị trường. Cùng với chính sách mua hàng linh hoạt theo diễn biến giá cả thị trường, Công ty luôn chủ động được nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho các công trình mà mình triển khai thi công.

Qua nhiều năm làm việc và hợp tác, Công ty đã tạo lập được được mối quan hệ truyền thống với các nhà cung cấp có uy tín, một số nhà cung cấp có quan hệ đối tác uy tín và lâu năm với Công ty đã có nhiều ưu đãi cho Công ty trong quá trình nhập hàng và thanh toán, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập khẩu các nguyên vật liệu phục vụ cho việc sản xuất được kịp thời.

Bảng 11: Danh sách đơn vị cung cấp nguyên liệu chính cho công ty

STT	Nguyên vật liệu và xuất xứ	Nhà cung cấp
1	Thép xây dựng: Thái Nguyên; Thép Miền Nam; Thép Hòa Phát; Thép Việt Hàn; Thép Việt úc; Thép Việt Nhật	Công ty gang thép Thái Nguyên - chi nhánh Nghệ An Công ty TNHH thép VSC-POSCO Công ty kinh doanh vật tư tổng hợp Công ty CP Hiền Nhân Công ty thép Hòa Phát Công ty CP xây lắp và thương mại Doanh nghiệp kim khí Nghĩa Kim
2	Xi măng các loại: Nghi Sơn; Bỉm Sơn; Chinh fon; Bút Sơn; Phúc Sơn; Hoàng Mai	Công ty xi măng Nghi Sơn Công ty CP kinh doanh VLXD vận tải Hà Nội Xi nghiệp dịch vụ và vận tải và thương mại Việt Hải



STT	Nguyên vật liệu và xuất xứ	Nhà cung cấp
		Doanh nghiệp tư nhân Đức Hùng Công ty TNHH Tân An
3	Bu lông neo và tiếp địa mạ kẽm nhúng nóng	Xí nghiệp cơ khí 59 - Công ty 27 Bộ QP. Nhà máy cơ khí Yên Viên Nhà máy qui chế cơ khí xây dựng
4	Cát vàng, đá học, đá dăm các loại	Công ty TNHH An Dân Công ty TNHH Hướng Thuận Công ty CP vật liệu và xây dựng Hà Tĩnh. Hợp tác xã SXKD vật liệu XD Mạnh Hùng

Nguồn: VNECO4

6.5. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty thực hiện kiểm soát các chi phí thông qua việc kiểm soát quá trình xây lắp. Do quản lý chi phí tốt, mức tiêu hao nguyên vật liệu thấp nên chi phí sản xuất của Công ty có tính cạnh tranh cao hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần cung cấp hàng hoá và dịch vụ trong hai năm 2010, 2011 và 6 tháng đầu năm 2012 được trình bày ở bảng dưới đây:

Bảng 12: Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí	Năm 2010		Năm 2011		6 tháng đầu năm 2012	
	Giá trị	%/Doanh thu	Giá trị	%/Doanh thu	Giá trị	%/Doanh thu
Giá vốn hàng bán	26.600	77,98%	31.396	82,11%	11.498	95,92%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.918	11,49%	3.907	10,22%	747	6,23%
Chi phí tài chính	972	2,85%	2.051	5,36%	(528)	-4,40%
Chi phí khác	81	0,24%	297	0,78%	56	0,47%
Tổng cộng	31.571	92,55%	37.651	98,47%	11.773	98,21%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011 và Báo cáo tài chính Quý II/2012

- ❖ Giá vốn hàng bán bao gồm chi phí vật liệu xây dựng, chi phí nhân công, chi phí máy thi công và các chi phí chung.
- ❖ 6 tháng đầu năm 2012, chi phí giá vốn hàng bán khoảng 11,5 tỷ đồng chiếm tới 96% doanh thu. Nguyên nhân là do đặc thù ngành xây lắp điện doanh thu trong Quý 1 và Quý 2 của năm thường chưa được quyết toán kịp với tiến độ thi công. Chi phí tương ứng lại được hạch toán phân bổ theo



đúng kỳ kế toán. Vì vậy tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu 6 tháng đầu năm thường ở mức cao. Thông thường việc quyết toán doanh thu dồn vào quý 3 và quý 4 hàng năm.

- ❖ Chi phí tài chính năm 2011 tăng mạnh so với năm 2010 chủ yếu do dự phòng giảm giá chứng khoán và chi phí lãi vay. Đến cuối năm 2011, Công ty đã trả hết nợ vay ngân hàng.

6.6. Trình độ công nghệ

Công ty VNECO4 có hệ thống máy móc thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động xây lắp của công ty. Một số máy móc chính hiện đang được sử dụng tại công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 như sau:

- ❖ Thiết bị, máy móc chuyên dùng phục vụ cho công tác gia công chế tạo cột thép mạ kẽm và gia công các loại phụ kiện, dụng cụ thi công cho ngành xây lắp đường dây gồm: máy phát hàn, máy ép thủy lực 60 tấn, máy đột dập liên hợp, máy tiện các loại, máy bào, máy khoan các loại, máy búa hơi B75, máy cắt tôn H478...
- ❖ Thiết bị, máy móc chuyên dùng phục vụ cho công tác xây lắp đường dây và trạm gồm: Máy tời 5 tấn, máy tời 3 tấn, máy xiết bu lông, máy hãm ra dây, máy ép thủy lực HPE 100 tấn, máy trộn bê tông các loại và bộ dụng cụ thi công chuyên dùng cho ngành xây lắp đường dây tải điện trên không.....
- ❖ Thiết bị xe máy vận tải và máy thi công gồm: ô tô các loại, xe cầu 10 tấn, máy đào xúc ...

Bảng 13: Danh mục các thiết bị máy móc chính của Công ty

STT	Tên máy móc, thiết bị, phương tiện	Năm mua và đưa vào sử dụng	Xuất xứ
1	Máy trộn bê tông đảo nghiêng	01/11/2011	Việt Nam
2	Máy phát điện KIPOFIG20	01/04/2011	Trung Quốc
3	Máy phát điện LIONKING	01/04/2011	Trung Quốc
4	Ô tô tải H.đai gắn cầu k.tự hành BS:37S-4417	01/07/2009	Việt Nam - Hàn Quốc
5	Máy tời 5 tấn TTD 5000 - số 4	01/03/2007	Việt Nam
6	Máy tời 5 tấn TTD 5000 - số 5	01/03/2007	Việt Nam
7	Máy tời 5 tấn TTD 5000 số 6	01/03/2007	Việt Nam
8	Cum bơm ép 100 tấn (dây dẫn 5 mét)	01/03/2007	Việt Nam
9	Cáp chống xoắn phi 10 - Số 1	01/07/2007	Ý
10	Cáp chống xoắn phi 10 - Số 2	01/07/2007	Ý
11	Cáp chống xoắn phi 10 - Số 3	01/07/2007	Ý
12	Máy thắng hãm thủy lực TTLTD1	01/08/2006	Nga
13	Máy tời 5 tấn TTĐ 5000 CT số 2	01/05/2006	Việt Nam
14	Máy tời 5 tấn TTĐ 5000 CT số 3	01/05/2006	Việt Nam
15	Máy tời 3 tấn TDT-3000 số 4	01/05/2006	Việt Nam
16	Máy tời TĐT -3000 số 5	01/05/2006	Việt Nam
17	Máy tời 3 tấn TTD -3000 số 6	01/05/2006	Việt Nam
18	Máy tời 5 tấn tự chế số 2	01/07/2005	Việt Nam



STT	Tên máy móc, thiết bị, phương tiện	Năm mua và đưa vào sử dụng	Xuất xứ
19	Bộ máy ép thủy lực HPE100T-Gồm ĐK ,Dây TL,Đầu ép	01/03/2005	Nhật
20	Đầu ép thủy lực 60 tấn (Cối ép, bơm thủy lực,dâ	01/11/2004	Mỹ
21	Cần bích hợp kim nhôm số 1	01/01/2004	Ý
22	Cần bích hợp kim nhôm số 2	01/01/2004	Ý
23	Cần bích hợp kim nhôm 12m Đức số 3	01/05/2004	Đức
24	Cần bích hợp kim nhôm 12 m Đức số 4	01/05/2004	Đức
25	Cần bích hợp kim nhôm 12m số 5	01/05/2004	Đức
26	Kìm cắt dây thủy lực HA40-02	01/01/2004	Nhật
27	Máy tời 5 tấn TTD 5000 CT- số 1	01/01/2004	Ý
28	Máy kinh vĩ Nga	01/01/2004	Việt Nam
29	Máy hàn điện bán tự động ĐIMEN SION 562	01/01/2004	Mỹ
30	Máy phát hàn ELEMEX-SH190	01/01/2004	Nhật
31	Máy ca OH253	01/01/2004	Bun-ga-ri
32	Máy Đo vận năng	01/01/2004	Nhật
33	Mê gồm met 2500v	01/01/2004	Nhật
34	Máy cắt tôn H478	01/01/2004	Liên Xô
35	Máy bào B665	01/01/2004	Việt Nam
36	Máy tiện T6P16(Số máy 113)	01/01/2004	Việt Nam
37	Máy tiện T6P16(Số máy 112)	01/01/2004	Việt Nam
38	Máy tiện T6P16(Số máy 114)	01/01/2004	Việt Nam
39	Máy dập ma sát 63 tấn 1128:Q8A	01/01/2004	Liên Xô
40	Máy búa B75	01/01/2004	Việt Nam
41	Máy khoan cần số1	01/01/2004	Việt Nam
42	Máy khoan cần số2	01/01/2004	Việt Nam

Nguồn: VNECO4

Hình 14: Hình ảnh một số loại máy móc thiết bị của công ty*Cần cẩu 10 tấn**Máy đào xúc thủy lực**Máy hãm ra dây**Xe bơm bê tông tươi*

Nguồn: VNECO4

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Từ nhiều năm qua, Công ty đã xây dựng và được tổ chức TUV NORD cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 và luôn luôn duy trì, liên tục cải tiến, thực hiện đầy đủ các cam kết về chất lượng.

Từ tháng 05 năm 2010 Công ty bắt đầu chuyển đổi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008.

Công tác kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng là việc làm quan trọng hàng đầu vì nó quyết định cho việc giảm thiểu về chi phí sửa chữa, khắc phục các tồn tại trong quá trình thi công, đồng thời tạo uy tín cho Công ty về việc chứng minh sản phẩm của mình đối với khách hàng và cũng là mục tiêu hàng đầu về công tác đấu thầu cạnh tranh cho các công trình tiếp theo. Chính vì lý do đó mà Công ty đã tập trung xây dựng một hệ thống đội ngũ cán bộ kỹ thuật từ Phòng kỹ thuật, Ban chỉ đạo đến kỹ thuật đội và các tổ trưởng tổ sản xuất nhằm đáp ứng yêu cầu thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thi công công trình, kiểm tra theo dõi chất lượng công trình ngay từ khi bắt đầu chuẩn bị đưa vật tư vào sử dụng cho đến quá trình thực hiện công tác xây dựng đảm bảo đúng qui trình qui phạm kỹ thuật và các tiêu chuẩn

xây dựng.

❖ **Quy trình kiểm tra chất lượng đường dây và trạm**

Công tác kiểm tra cụ thể như sau:

- Kiểm tra vật tư đưa vào sử dụng xây lắp công trình phải đảm bảo đầy đủ chứng chỉ kỹ thuật của nhà sản xuất, vật tư phải lấy đúng nguồn như đã đăng ký trong hợp đồng và phải được thí nghiệm bởi các tổ chức có pháp nhân và chức năng.
- Kiểm tra hố móng về kích thước, cốt nền xây dựng theo đúng bản vẽ thiết kế.
- Kiểm tra công tác đặt buộc cốt thép: Cốt thép được gia công tại xưởng cơ khí được vận chuyển đến chân công trình để lắp đặt nên phải kiểm tra từng chi tiết có sử dụng đúng loại thép kê trong bản vẽ, kiểm tra kích thước, kiểm tra vị trí đặt buộc có đúng khoảng cách theo bản vẽ, kiểm tra lớp tấm đan dưới đã kê kích đều khoảng cách qui định so với bề mặt lớp bê tông đúc lót, kiểm tra cốt mặt bằng trên 4 đầu trụ đã đảm bảo cùng nằm trên mặt phẳng.
- Kiểm tra cốt pha trước khi lắp có đảm bảo kích thước, mặt phẳng phải bằng phẳng, không được cong vênh, phải được vệ sinh bề mặt và bôi dầu nhờn trước lúc lắp ghép. Sau khi lắp ghép phải đảm bảo kín khít, kê chống chắc chắn, đúng vị trí kích thước bản vẽ định vị.
- Kiểm tra thực hiện tỷ lệ pha trộn bê tông theo bản tỷ lệ cấp phối thí nghiệm mác bê tông, kiểm tra vữa bê tông sau khi pha trộn có đảm bảo đều nhuyễn không, mới tiến hành cho đúc.
- Kiểm tra chế độ bảo dưỡng bê tông.
- Kiểm tra công tác lắp dựng cột thép, cột bê tông: Trong quá trình vận chuyển thường dễ làm xây xước hoặc làm biến dạng cong vênh các chi tiết cột thép, hoặc làm nứt, vỡ cột bê tông, phải kiểm tra nếu phát hiện thì tiến hành sửa chữa trước lúc lắp dựng đối với các chi tiết cột thép và trả lại đối với cột bê tông (tùy thuộc vào mức độ nặng hay nhẹ để xử lý)
- Kiểm tra công tác rải căng dây, lấy độ võng nhất là công tác ép nối dây dẫn, dây chống sét, và đấu lèo tại các vị trí đấu nối.
- Kiểm tra cáp ngầm sau khi rải cáp ngầm phải được kiểm tra theo qui định trong TCN-26-87 “khối lượng và tiêu chuẩn thử nghiệm, nghiệm thu, bàn giao thiết bị điện - phần cáp điện lực” sau khi kiểm tra xong phải tổng hợp liệt kê các thông số đo và lập biên bản nghiệm thu
- Kiểm tra chất lượng sau khi lắp máy biến áp: lấy 4 mẫu dầu tại bình chính, bình phụ tại điểm mặt và đáy bình, bộ OLTC và kiểm tra điện áp đánh thủng. Nếu kết quả đo được bằng hoặc cao hơn số liệu của nhà chế tạo thì thôi, nếu thấp hơn thì phải lọc lại, kiểm tra bằng máy OTS80AF (của Mỹ), kiểm tra cách điện sứ xuyên MBA bằng Megomet model 3120, kiểm tra TI bằng đồng hồ vạn năng.
- Kiểm tra chất lượng sau khi lắp cầu dao.
- Kiểm tra việc siết chặt bu lông tại giá đỡ, trụ đỡ (trừ bu lông trên đầu sứ bắt lười dao chỉ hơi bắt chặt)

- Kiểm tra chất lượng sau khi lắp máy cắt: kiểm tra độ thẳng bằng của trụ đỡ, giá đỡ máy cắt bằng thước thủy bình, kiểm tra sự vận chuyển các bu lông.
- Kiểm tra các máy và thiết bị khác.

6.8. Hoạt động marketing

❖ Chính sách giá cả

Đối với sản phẩm xây lắp và sản phẩm công nghiệp, Công ty có chủ trương cung cấp sản phẩm chất lượng tốt với giá cả hợp lý cho khách hàng là các chủ đầu tư, các ban quản lý đặc biệt là tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN).

❖ Hoạt động nghiên cứu thị trường

Phòng Kế hoạch-kỹ thuật và vật tư của Công ty chịu trách nhiệm tìm kiếm khách hàng, tìm hiểu nghiên cứu thị trường, tìm hiểu thông tin đấu thầu các công trình điện để phân tích lựa chọn dự án tham gia dự thầu. Phòng cũng tiến hành khảo sát, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí và giá thành để xây dựng chính sách sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

❖ Chăm sóc khách hàng

Đối với lĩnh vực xây lắp đường dây và trạm, đây là lĩnh vực kinh doanh truyền thống, cho nên Công ty phát huy các thế mạnh vốn có để phối hợp (với tư cách là tổng thầu) cùng với chủ đầu tư là những khách hàng lớn, gắn bó với Công ty, như: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Ban quản lý dự án lưới điện miền Bắc, Trung, Nam và các cơ quan có liên quan để thi công các công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ, đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp đồng thời góp phần xây dựng hoàn thành hệ thống tải điện nhu cầu phát triển kinh tế đất nước. Chính sách của Công ty là "cung cấp sản phẩm có chất lượng tốt nhất, giá cả hợp lý nhất và tiến độ thi công đảm bảo yêu cầu nhất" và lấy đó làm kim chỉ nam cho chính sách marketing và cũng là chiến lược cạnh tranh lành mạnh nhất.

❖ Hoạt động quảng bá thương hiệu sản phẩm

Do đặc thù sản xuất kinh doanh, khách hàng đối tác chính của Công ty là các Ban quản lý dự án điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam hoặc một số Bộ, ngành khác đã nắm rất rõ năng lực của Công ty, nên thực tế Công ty coi trọng việc thực hiện các dự án, thi công các công trình đảm bảo tiến độ, có chất lượng cao, tạo dựng uy tín với các Chủ đầu tư là cách quảng bá sản phẩm tốt nhất. Tuy nhiên, đôi lúc Công ty có tham gia đăng thông tin giới thiệu doanh nghiệp trên một số phương tiện truyền thông đại chúng của Trung ương và của ngành.

6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng kí bản quyền sản phẩm

Hiện tại, Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO4 đang sử dụng logo của Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam với nhãn hiệu thương mại: VNECO

Hình 15: Logo Công ty



Nhãn hiệu hàng hoá của Tổng công ty được đăng ký theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 54185 do Cục sở hữu trí tuệ Công nghiệp cấp ngày 12/5/2004.

6.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 14: Danh sách các công trình đang thi công

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công trình	Nội dung	Thời gian thực hiện	Giá trị HĐ	Đã nghiệm thu 2011	Doanh thu dự kiến 2012	Doanh thu dự kiến 2013
1	ĐZ 220 kV Thanh Hóa - Vinh - Lô: 6.1	Gia công cốt thép móng, thuê kho bãi để cấp phát cốt thép....	27/10/2011 - 31/03/2012	364	274	90	-
2	ĐZ 220 kV Thanh Hóa - Vinh - Lô: 6.1	Xây lắp đường dây đoạn từ SP - G23 (Mạch 2)	04/10/2011 - 02/2013	9.600	555	3.445	5.600
3	ĐZ 220 kV Vũng Áng - Hà Tĩnh - Lô: 6.2	Gia công cốt thép vật tư, thuê mặt bằng, tiếp nhận và bảo quản, cấp phát vật tư	01/07/2011 - 30/07/2012	987	507	480	-
4	ĐZ 220 kV Vũng Áng - Hà Tĩnh - Lô: 6.2	Xây lắp ĐZ cung đoạn từ VT 30 - G13 và mở rộng ngăn lộ tại trạm Hà Tĩnh	29/06/2011 - 28/02/2013	9.768	1.250	5.518	3.000
5	ĐZ 110kV đường vành đai phía Bắc TP Hạ Long, đoạn Vũ Oai - Quang Hanh	Thi công nâng cao tỉnh không đường điện 110kV tại lộ 175ĐZ và lộ 176 ĐZ 110kV nhánh rẽ	17/04/2012 - 17/07/2012	4.331	-	4.331	-
6	ĐZ 500kV Quảng Ninh- Hiệp Hòa	Gia công cốt thép móng, thuê mặt bằng, bố trí kho bãi, tiếp nhận cấp phát vật tư	15/03/2012 - 31/12/2012	2.016	-	2.016	-
7	ĐZ 500kV Quảng Ninh- Hiệp Hòa	Thi công xây lắp gói thầu QNHH-W08-Lô 8.2-ĐZ cung đoạn II từ G10A- G19	21/02/2012 - 31/12/2013	16.366	-	3.200	13.166
8	ĐZ 220kV Đồng Hòa-Thai Bình	Xây lắp ĐZ từ G17-ĐC(Bao gồm vận chuyển cách điện và phụ kiện và đền bù phục vụ thi công	11/04/2012 - 24/07/2012	5.957	-	5.957	-
9	ĐZ 220kV NMTĐ Bản Chát	Xây lắp (bao gồm cả vận chuyển cáp quang, cách điện và phụ kiện)	10/06/2011 - 01/2013	45.226	15.380	17.000	12.846
10	ĐZ 500kV Pley Cu-Mỹ Phước-Cầu Bông	Xây lắp	09/2012 - 05/2013	8.000	-	-	8.000



Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công trình	Nội dung	Thời gian thực hiện	Giá trị HĐ	Đã nghiệm thu 2011	Doanh thu dự kiến 2012	Doanh thu dự kiến 2013
11	Các công trình khác	Xây lắp		6.000	-	-	6.000
Tổng cộng				108.614	17.966	42.036	48.612

Nguồn: VNECO4

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2010 – 6 tháng đầu năm 2012

Bảng 15: Kết quả hoạt động kinh doanh 2010, 2011 và 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2010		2011		6 tháng đầu năm 2012
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	% Tăng/Giảm	Giá trị
Tổng giá trị tài sản	36.132	40.570	12,28%		36.296
Doanh thu thuần	34.113	38.237	12,09%		11.987
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.683	1.142	-57,44%		488
Lợi nhuận khác	1.403	642	-54,24%		720
Lợi nhuận trước thuế	4.086	1.785	-52,31%		1.208
Lợi nhuận sau thuế	3.065	1.444	-52,89%		925
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	53%	82%	29%		

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và Báo cáo tài chính Quý II/2012

❖ Năm 2011

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011 có sự tăng trưởng về doanh thu thuần. Doanh thu năm 2011 tăng so với năm 2010 do trong năm này Công ty ký được nhiều hợp đồng với các chủ đầu tư và Tổng B. Trong đó riêng với Ban AMB hợp đồng xây lắp ĐD 220 kV đấu nối Thủy điện Bản Chát có giá trị 45,2 tỷ đồng. Tương ứng với tăng doanh thu, tài sản tăng do giá trị phải thu khách hàng lớn, trong đó phải thu khách hàng từ Đường dây 220 kV đấu nối Thủy điện Bản Chát là 17,8 tỷ đồng, ĐD 110 kV Đồng Hoà-Long Bối là 3,46 tỷ đồng. Tuy nhiên do chi phí tài chính cao gấp hơn 02 lần năm trước chủ yếu do thị trường chứng khoán suy giảm mạnh ảnh hưởng đến giá chứng khoán, vì vậy công ty phải tăng trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, nên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 57,44% và lợi nhuận sau thuế giảm 52,89% so với năm 2010.
- Thu nhập khác của Công ty phát sinh từ các khoản thu nhập như hoàn nhập bảo hành sản

phẩm; thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, hoàn nhập chi phí phải trả không dùng, thu nhập cho thuê địa điểm, mặt bằng và thu nhập khác. Cụ thể năm 2011, trong 939 triệu đồng thu nhập khác thì thu nhập đến từ hoàn nhập bảo hành sản phẩm chiếm 710 triệu đồng; thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là 17 triệu đồng, thu nhập từ cho thuê địa điểm, mặt bằng là 160 triệu đồng và thu nhập khác là 52 triệu đồng.

❖ 6 tháng đầu năm 2012

- Tổng giá trị tài sản cuối quý II/2012 giảm so với số dư cuối kỳ 2011 do số dư phải thu của khách hàng giảm 43%.
- Doanh thu 6 tháng đầu năm 2012 là 11,99 tỷ đồng, đạt 28% kế hoạch doanh thu cả năm 2012 trong đó doanh thu chủ yếu đến từ công trình Đường dây 220 kV đấu nối Thủy điện Bản Chát (7,911 tỷ đồng), đường dây 110 kV Đồng Hoà-Long Bối (đoạn giao chéo QL 10) (1,815 tỷ đồng). Tính đến hết quý 2 năm 2012, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty chỉ đạt ở mức thấp là 488 triệu đồng do khối lượng công việc đầu năm đã được thực hiện nhưng doanh thu chưa được quyết toán trong kỳ kế toán dẫn đến doanh thu thấp. Đặc thù ngành xây lắp là doanh thu thường được ghi nhận vào Quý 3 và Quý 4 hàng năm. Chi phí giá vốn hàng bán được Công ty hạch toán trong kỳ kế toán cộng thêm một số khoản chi phí còn lại của các công trình thực hiện năm 2011 được quyết toán vào quý 1 năm 2012 dẫn đến chi phí giá vốn lũy kế từ đầu năm đến hết quý 2/2012 cao so với doanh thu và chiếm tới 96% doanh thu.
- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng 2012 là 925 triệu đồng đạt gần 46% kế hoạch lợi nhuận sau thuế cả năm 2012 nhờ vào việc hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư với giá trị hoàn nhập là 698,4 triệu đồng và ghi nhận các khoản lợi nhuận khác là 720 triệu đồng. Thu nhập khác trong 6 tháng đầu năm bao gồm 682 triệu đồng hoàn nhập bảo hành sản phẩm; 1 triệu đồng thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, và 93 triệu đồng thu nhập khác, dẫn tới tổng thu nhập khác và lợi nhuận khác trong 6 tháng đầu năm 2012 là 776 triệu đồng và 720 triệu đồng.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ **Thuận lợi:**

- Trong những năm qua Công ty đã thi công xây dựng hoàn thành và bàn giao được nhiều công trình có uy tín, chất lượng nên đã tạo uy tín đối với các chủ đầu tư. Nhờ đó việc phát triển sản xuất, việc làm được đảm bảo, hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước đi vào ổn định tạo tiền đề tốt cho những năm tiếp theo.
- Đội ngũ cán bộ, công nhân có bước trưởng thành, nắm bắt được các công việc thi công chủ yếu hiện nay của công tác xây dựng điện ở Việt Nam.
- Uy tín của Công ty qua thời gian đã được khẳng định trên thị trường, các chủ đầu tư đã tin tưởng về chất lượng, tiến độ công trình mà Công ty đã thực hiện

❖ **Khó khăn**

- Công ty phải chịu tác động chung khi thị trường xây dựng điện ngày càng được xã hội hoá, mức độ cạnh tranh càng khốc liệt bao gồm cả cạnh tranh không lành mạnh.
- Lao động kỹ thuật cao, có kinh nghiệm trong chuyên ngành xây dựng điện lao động thường có xu hướng chuyển sang công việc khác ít lưu động và ít nguy hiểm hơn. Vì vậy, có những thời điểm lượng công nhân không đủ đáp ứng nhu cầu công việc.
- Tiến độ triển khai các công trình điện năng đôi khi phụ thuộc vào chủ đầu tư trong việc bàn giao mặt bằng và giải ngân. Đây cũng là một khó khăn cho Công ty trong việc sắp xếp nguồn nhân công cho các công trình sao cho hiệu quả.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Qua nhiều năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong công tác thi công xây dựng công trình điện, công nghiệp và dân dụng. Công ty đã tham gia thi công xây lắp các công trình 500kV Bắc Nam mạch 1; mạch 2; 500kV Pleiku - Phú Lâm, 500kV Quảng Ninh - Thường Tín ; 500kV Sơn La - Hòa Bình - Nho Quan, 500kV Sơn La - Hiệp Hòa, 220 kV Tuyên Quang-Yên Bái, 220 kV Tuyên Quang- Bắc Cạn -Thái Nguyên, 220 kV Vinh-Bản Lã.v.v.. Uy tín của Công ty ngày càng được nâng cao và khẳng định.

Trong những năm qua, Công ty được các ngành chức năng đánh giá tốt về chất lượng thi công công trình, cung cấp dịch vụ, sản xuất sản phẩm. Nhiều công trình của Công ty thực hiện đã đi vào khai thác và đạt hiệu quả cao. Các sản phẩm do Công ty cung cấp luôn đạt được yêu cầu chất lượng của khách hàng và luôn giữ được uy tín với khách hàng.

Tuy nhiên do xu thế xã hội hóa thị trường xây dựng điện, hoạt động xây lắp điện không còn là ngành kinh doanh độc quyền của ngành điện nên sự cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt. Các đối thủ cạnh tranh của Công ty không những chỉ là những doanh nghiệp bên ngoài như Công ty cổ phần công trình Việt Nguyên, Công ty xây lắp điện Long Vân mà còn là các công ty trong Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam.

Bảng 16: Một số đối thủ cạnh tranh trong ngành

STT	Đối tượng khảo sát	Thị phần Xây dựng điện	Đặc điểm	Đánh giá
1	Công ty Cổ phần xây lắp điện 1	17,25%	Nằm trên thị trường địa bàn khu vực phía Bắc	Gần thị trường địa bàn khu vực miền Trung và xa thị trường địa bàn khu vực miền Nam
2	Công ty TNHH một thành viên xây lắp điện 2	19,5%	Nằm trên thị trường địa bàn khu vực phía Nam	Gần thị trường địa bàn khu vực miền Trung và xa thị trường địa bàn khu vực miền Bắc

STT	Đối tượng khảo sát	Thị phần Xây dựng điện	Đặc điểm	Đánh giá
3	Tổng công ty CP XD điện Việt Nam (Công ty xây lắp điện 3 cũ)	20,25%	Nằm trên thị trường địa bàn khu vực miền Trung	Gần thị trường địa bàn khu vực miền Bắc và miền Nam
4	Công ty TNHH một thành viên xây lắp điện 4	18,00%	Nằm trên thị trường địa bàn khu vực phía Bắc	Gần thị trường địa bàn khu vực miền Trung và xa thị trường địa bàn khu vực miền Nam
5	Các công ty khác ngoài các đơn vị xây lắp đường dây	25%	Nằm trên thị trường địa bàn khu vực phía Bắc	Gần thị trường địa bàn khu vực miền Trung và xa thị trường địa bàn khu vực miền Nam

Nguồn: VNECO4

Là một thành viên trong Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam được cổ phần hóa, VNECO 4 có ưu thế nhiều ưu thế về đội ngũ cán bộ, kinh nghiệm cũng như nhận được sự hỗ trợ về mọi mặt từ phía công ty mẹ. Vì vậy, tại địa bàn khu vực miền Trung, Công ty có nhiều ưu thế hơn so với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Tuy nhiên, nếu so sánh với các doanh nghiệp khác thuộc Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam. Công ty còn ở quy mô tương đối nhỏ mặc dù không có sự thua kém về mặt kinh nghiệm và chất lượng công trình. Do đó, việc huy động vốn là một yếu tố rất quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy sự tăng trưởng của Công ty trong thời gian tới.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 có xét triển vọng đến năm 2020 (gọi tắt Quy hoạch điện V) của Thủ tướng chính phủ số 95/2001/QĐ-TTG ngày 22/06/2001 theo các nội dung chính sau đây:

❖ Về nhu cầu phụ tải

Phát triển ổn định, nâng cao chất lượng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phụ tải cho sinh hoạt của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đến hết năm 2005, các nhà máy điện trong cả nước sản xuất đạt sản lượng từ 45 đến 50 tỷ kWh, dự báo năm 2010 đạt sản lượng từ 70 đến 80 tỷ kWh và năm 2020 đạt sản lượng từ 160 - 200 tỷ kWh.

❖ Về phát triển nguồn điện

- Phát triển nguồn điện phải đáp ứng nhu cầu phụ tải nói trên, đảm bảo cung cấp điện an toàn, chất lượng, ổn định, hiệu quả, hợp lý để phát triển kinh tế - xã hội. Khai thác tối đa các nguồn năng lượng có hiệu quả kinh tế như: thủy điện, nhiệt điện khí, nhiệt điện than, nhiệt điện dầu, các dạng năng lượng mới... kết hợp với từng bước trao đổi điện hợp lý với các nước trong khu vực. Ưu tiên xây dựng các nhà máy thủy điện có các lợi ích tổng hợp như: chống lũ, cấp nước, sản xuất điện. Phát triển thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời... cho các khu vực xa lưới điện, miền núi, biên giới, hải đảo.



- Trong đó giai đoạn 2006-2010: xây dựng 21TBA 500kV, 26TBA 220kV, 945km đường dây 500kV, 1.590km đường dây 220kV và hàng ngàn km đường dây 110kV
- Như vậy, mức tăng trưởng lớn và ngành điện đòi hỏi phải có nguồn vốn lớn mới đáp ứng được trong cơ chế các đơn vị được đầu tư xây dựng các nhà máy điện độc lập (IPP) theo các hình thức BOO, do vậy Bộ Công Nghiệp đã có quyết định 30/BCN ngày 31/08/2006 cho các nhà đầu tư xây dựng Dự án điện độc lập (IPP) là dự án đầu tư xây dựng nguồn điện không sử dụng vốn ngân sách nhà nước để đầu tư, khai thác và bán điện theo quy định của pháp luật về điện lực và thông qua các hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (BOO) hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật. Tuy vậy do các công trình nguồn đòi hỏi vốn lớn trong khi theo cơ chế cho vay hiện nay làm các nhà đầu tư cũng gặp khó khăn khi quyết định đầu tư dự án nguồn.
- Đối với ngành nghề kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty bao gồm một số lĩnh vực chính như: Xây lắp điện, sản xuất kết cấu thép phục vụ xây lắp điện, kinh doanh dịch vụ du lịch, kinh doanh điện năng, kinh doanh địa ốc, v.v..., đây là những lĩnh vực chính được khuyến khích đầu tư, đặc biệt là ngành điện, du lịch, v.v... Do vậy, trong tương lai Chính phủ vẫn duy trì khuyến khích đầu tư phát triển các lĩnh vực trên.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Căn cứ vào dự báo tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, chiến lược phát triển của ngành điện, hoạt động xây dựng điện và cung cấp dịch vụ phục vụ hoạt động xây dựng điện của Công ty là phù hợp với định hướng của Nhà nước, kế hoạch phát triển của Ngành. Các dự án công trình điện năng luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao của Nhà nước. Với năng lực hiện có, Công ty hoàn toàn có khả năng trúng thầu những công trình lớn, góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, do là một ngành thi công đặc thù, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ phía lãnh đạo trong và ngoài tỉnh như hỗ trợ trong công tác giải phóng mặt bằng... Vì vậy, Công ty cũng gặp nhiều thuận lợi hơn so với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng khác.

Công ty phấn đấu trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng điện, công nghiệp và dân dụng; kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị điện, phương tiện vận tải, xe máy thi công nhằm gia tăng lợi nhuận và phân tán rủi ro hoạt động. Định hướng này là hoàn toàn phù hợp trong bối cảnh hoạt động xây lắp điện ngày càng được xã hội hóa, cạnh tranh gay gắt.

Phát huy những lợi thế vốn có, ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn chú trọng chỉ đạo tập thể CBCNV đoàn kết, phát huy mọi năng lực hiện có cũng như tinh thần chủ động sáng tạo nhằm củng cố và không ngừng lớn mạnh trong điều kiện cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt. Với truyền thống đoàn kết, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 đã gặt hái được những thành công trong thời gian qua và sẽ tiếp tục lớn mạnh trong thời gian tới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 30/06/2012, tổng số lao động của Công ty là 154 người.

Bảng 17: Cơ cấu lao động của Công ty

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đại học	18	11,69
Cao đẳng , trung cấp	32	20,78
Công nhân kỹ thuật	104	67,53
Tổng	154	100,00

Nguồn: VNECO4

9.2. Chính sách đối với người lao động

❖ Chế độ làm việc

Công ty đã xây dựng Thỏa ước lao động tập thể, được Đại diện tổ chức công đoàn và Người sử dụng lao động ký kết tại Hội nghị người lao động ngày 18/02/2006 và Nội quy lao động được Sở lao động và thương binh xã hội Tỉnh Nghệ An chấp thuận ngày 23/06/2006.. Hàng năm đều được 2 bên tại Hội nghị người lao động điều chỉnh bổ sung cho phù hợp tình hình mới trên tinh thần bảo đảm các điều kiện làm việc, thụ hưởng tốt nhất cho người lao động. Thỏa ước và nội quy lao động được thông báo đến từng người lao động để thực hiện.

- **Chế độ làm việc:** 5 ngày /tuần. Một tuần làm việc 40 giờ. Mỗi ngày làm việc 8 giờ. Đối với ca hành chính như sau:
 - Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút.
 - Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ.
 - Đối với người lao động làm việc trên các công trình xây dựng, làm việc tại chi nhánh do tính chất công việc cần thi công liên tục thì làm thông tầm (8 giờ liên tục) và đảm bảo nghỉ giữa ca 30 phút.
 - Đối với người lao động tại những đội xây lắp làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm (theo quyết định số 1629/LĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 1996 về việc ban hành tạm thời danh mục nghề công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm của Bộ trưởng Bộ lao động thương binh và xã hội), thời gian làm việc được rút 1 giờ trong 1 ngày.
 - Những trường hợp do công việc không được nghỉ vào ngày thứ 7 và chủ nhật thì được bố trí nghỉ luân phiên hoặc được thanh toán tiền làm thêm giờ theo quy định của Bộ luật lao động và Quy chế tiền lương của Công ty.



▪ **Nghỉ phép, nghỉ ốm**

Người lao động thực hiện HĐLĐ có xác định thời hạn và không xác định, hợp đồng theo mùa vụ, có 12 tháng làm việc trở lên tại đơn vị thì được nghỉ phép hàng năm hưởng nguyên lương theo quy định sau đây:

- 12 ngày đối với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường.
- 14 ngày đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc những điều kiện khắc nghiệt.
- Người lao động đi phép tùy theo quãng đường được tính từ 1-4 ngày đi đường (chỉ được tính 1 lần trong năm).
- Số ngày nghỉ hàng năm được tăng thêm theo thâm niên làm việc tại Công ty, Cứ 5 năm được nghỉ thêm 1 ngày.
- Khi nghỉ phép hàng năm, người lao động được ứng trước một khoản tiền ít nhất bằng tiền lương của những ngày nghỉ phép.

▪ **Làm thêm giờ**

- Người sử dụng lao động và người lao động có thể thoả thuận làm thêm giờ, nhưng không quá 4 giờ trong 1 ngày, 200 giờ trong 1 năm, trường hợp đặc biệt không quá 300 giờ trong 1 năm.
- Người lao động làm thêm giờ được trả lương theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương của công việc đang làm như sau:
 - Bằng 150% vào ngày thường.
 - Bằng 200% vào ngày nghỉ hàng tuần.
 - Bằng 300% vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương

❖ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

▪ **Tuyển dụng**

- Công ty ban hành quy chế tuyển dụng lao động và thực hiện tuyển dụng nhân sự qua các nguồn học sinh tốt nghiệp các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường công nhân kỹ thuật trên địa bàn các tỉnh miền Trung và miền Bắc.
- Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển các lĩnh vực xây lắp và sản xuất công nghiệp.

▪ **Đào tạo**

- Công ty khuyến khích cán bộ công nhân viên trong công ty tham gia các chương trình đào tạo do Tổng Công ty hoặc các đơn vị khác tổ chức như học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, hoặc ngoại ngữ, tin học.



- Để đáp ứng yêu cầu công việc và nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên, Công ty đã tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ kinh phí đào tạo và bố trí công việc phù hợp với trình độ năng lực sau đào tạo.

❖ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

▪ **Chính sách tiền lương**

- Công ty đã xây dựng và ban hành áp dụng Quy chế tiền lương phù hợp với đặc trưng của ngành nghề kinh doanh. Theo đó người lao động được bảo đảm hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Việc trả lương gắn với trình độ, năng lực và hiệu quả công việc của cán bộ, công nhân viên và người lao động, qua đó khuyến khích người lao động làm việc hăng say, nâng cao năng suất và hiệu quả góp phần tích cực cho sự phát triển của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng có chính sách đãi ngộ xứng đáng cho những cán bộ có năng lực và công nhân có tay nghề cao nhằm thu hút người lao động từ các nơi khác về làm việc và cống hiến cho Công ty.
- Mức lương trung bình 2011: 3.812.000 đồng/tháng.

Bảng 18: Mức thu nhập bình quân qua các năm 2010, 2011 và dự kiến năm 2012

Nội dung	Thực hiện năm 2010	Thực hiện năm 2011	Dự kiến năm 2012
Mức thu nhập bình quân đồng/ người/ tháng (đồng)	3.021.000	3.812.000	4.000.000

Nguồn: VNECO4

▪ **Chế độ khen thưởng**

- Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng theo quy định để hàng năm thực hiện chế độ khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất tùy theo từng đợt phát động thi đua hoàn thành mục tiêu, tiến độ của công trình hoặc thưởng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
- Ngoài ra các ngày lễ, tết âm lịch, tết dương lịch, ngày 30/4, 1/5 và 2/9 tất cả người lao động đều được Công ty trích quỹ phúc lợi bồi dưỡng thêm và hàng năm người lao động được Công ty tổ chức đi tham quan trong, ngoài nước hoặc bố trí nghỉ dưỡng tại chỗ .
- Phong trào văn hoá, văn nghệ cũng là điểm sáng trong hoạt động của Công ty, nhằm gây không khí vui tươi lành mạnh , tạo tiền đề cho người lao động thêm hăng hái, đạt năng suất cao hơn trong công việc. Công ty rất tích cực tham gia các kỳ hội thao thể thao, hội diễn văn nghệ công nhân lao động, do Tổng Công ty tổ chức tạo điều kiện cho người lao động được rèn luyện sức khoẻ và nâng cao đời sống tinh thần.

▪ **Chế độ thai sản, con nhỏ**

- Người lao động nữ được nghỉ trước và sau khi sinh con: 4 tháng. Hết thời gian nghỉ thai sản theo chế độ, nghỉ phép và cả trong trường hợp được phép nghỉ thêm không hưởng lương, khi trở lại làm việc, người lao động nữ vẫn được bảo đảm chỗ làm việc.

- o Trong thời gian nghỉ thai sản, người lao động nữ đã đóng BHXH được trợ cấp BHXH bằng 100% tiền lương và được trợ cấp thêm 1 tháng lương.
- o Trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ được nghỉ mỗi ngày 60 phút trong thời gian làm việc mà vẫn hưởng đủ lương.

10. Chính sách cổ tức

- ❖ Lợi nhuận trong kinh doanh theo cổ phần đóng góp (gọi là cổ tức) là số còn lại của lợi nhuận sau thuế, sau khi trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ, được chia đều cho cổ phần và cổ đông đóng góp.
- ❖ Thông báo chi trả cổ tức cho các cổ đông được thực hiện công khai bằng văn bản đến các cổ đông.
- ❖ Việc chi trả cổ tức trên nguyên tắc chi trả trực tiếp cho chủ sở hữu cổ phần. Nếu chủ sở hữu cổ phần không trực tiếp đến nhận phải có giấy ủy quyền và được chính quyền địa phương hoặc cơ quan chủ sở hữu đang công tác chứng nhận.
- ❖ Việc chi trả cổ tức cho cổ đông hàng năm được thực hiện sau khi đã được thông qua đại hội cổ đông thường niên quyết định mức chi trả.
- ❖ Tùy theo kế hoạch sản xuất của công ty và cổ đông công ty có thể chuyển đổi từ cổ tức thành cổ phần do HĐQT quyết định.
- ❖ Từ khi chuyển sang cổ phần hoá, Công ty luôn luôn hoạt động kinh doanh có hiệu quả, hàng năm đều có lợi nhuận, có năm đạt mức cao. Do đó Công ty đã duy trì được mức cổ tức hàng năm ở mức ổn định khá, kể cả năm 2008 cả nước ta gặp khó khăn về kinh tế thì cổ tức của Công ty cũng đạt mức 14%/năm.
- ❖ Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay sau khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn phải trả.
- ❖ Số cổ tức được chia cho cổ đông theo phần vốn góp và đã được trả đúng hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Tùy tình hình sản xuất kinh doanh cho phép, HĐQT Công ty cũng có thể giải quyết tạm ứng tiền cổ tức cho các cổ đông 6 tháng một lần.

Bảng 19: Chính sách chi trả cổ tức qua các năm

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	%Tăng giảm
1	Bảng tiền (triệu đồng)	1.628	1.387	-17,39
2	Bảng cổ phiếu	-	-	0,00
Tổng cộng		1.628	1.387	-17,39

Nguồn: VNECO4

- ❖ Tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt năm 2011 là 14% giảm 4% so với năm 2010 (tỷ lệ cổ tức năm 2010 là 18%) do hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2011 gặp nhiều khó khăn.

11. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

11.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

❖ **Trích khấu hao tài sản cố định**

- Phương pháp khấu hao

Công ty áp dụng trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, xác định trên cơ sở thời gian hữu dụng ước tính của tài sản và phù hợp với hướng dẫn theo Nghị định 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

- Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa - Vật kiến trúc: 05-35 năm
- Máy móc, thiết bị: 03-07 năm
- Phương tiện vận tải : 05-10 năm
- Thiết bị văn phòng: 03-05 năm

❖ **Mức lương bình quân**

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty trong năm 2010 và 2011 trong khoảng 3.021.000 – 3.812.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập tương đối cạnh tranh so với mức thu nhập bình quân của người lao động ở các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực và cùng địa bàn.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Hiện Công ty không có các khoản nợ quá hạn. Đối với các khoản phải trả khác, Công ty luôn thanh toán đúng hạn, nhằm giữ vững hình ảnh, xây dựng uy tín Công ty.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn nộp các loại thuế, các khoản bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, các khoản phải nộp khác đúng luật định, đúng thời gian qui định của pháp luật.

- Tổng số tiền thuế đã nộp năm 2010: 3.637 triệu đồng.
- Tổng số tiền thuế đã nộp năm 2011: 4.043 triệu đồng.

Bảng 20: Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Thuế giá trị gia tăng	1.236	1.886	353
Thuế thu nhập doanh nghiệp	998	981	1.061
Thuế thu nhập cá nhân	3	5	28
Tiền thuê đất	-	364	31
Thuế môn bài	-	-	-
Tổng cộng	2.237	3.236	1.473

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và Báo cáo tài chính Quý II/2012

Các nghĩa vụ nợ khác như: Phải trả người bán, Phải trả công nhân viên, Phải trả phải nộp khác đều được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Bảng 21: Bảng kê trích lập các quỹ năm 2010 và 2011

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các quỹ	Năm 2010	Năm 2011
1	Quỹ đầu tư phát triển	977	-
2	Quỹ dự phòng tài chính	153	136
3	Quỹ khen thưởng	153	87
4	Quỹ phúc lợi	153	85
	Tổng	1.436	308

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 và 2011

Bảng 22: Số dư các quỹ qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các quỹ	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
-----	---------	------------	------------	------------



Đơn vị: triệu đồng

STT	Các quỹ	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
1	Quỹ đầu tư phát triển	1.852	2.829	2.829
2	Quỹ dự phòng tài chính	95	248	384
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	618	664	572
	Tổng	2.565	3.741	3.785

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và Báo cáo tài chính Quý II/2012

❖ **Các khoản đầu tư tài chính**

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Bảng 23: Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản đầu tư	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
1	Tổng công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (87.400 cổ phiếu mã VNE)	1.773	1.773	1.773
2	Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO9 (86 cổ phiếu mã VE9)	1	1	1
3	Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	3.500
4	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(864)	(1.511)	(1.188)
	Tổng cộng	910	263	4.086

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và Báo cáo tài chính Quý II/2012

Công ty đầu tư vào 02 mã cổ phiếu VNE và VE9. Công ty trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng do các cổ phiếu có giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán cao hơn so với giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán kỳ trước đó.

Công ty có một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác là 3,5 tỷ đồng là khoản tiền Công ty gửi ngân hàng do chưa cần sử dụng đến.

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Bảng 24: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản đầu tư	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
1	Công ty cổ phần Sông Ba (250.000 cổ phiếu mã SBA)	2.500	2.500	2.500



Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản đầu tư	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
2	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(500)	(1.550)	(1.175)
	Tổng cộng	2.000	950	1.325

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và Báo cáo tài chính Quý II/2012

VNECO4 đầu tư 2,5 tỷ đồng vào SBA tương đương 0,5% vốn điều lệ công ty này. Tương tự như các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn Công ty cũng trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và thực hiện hoàn nhập khi giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán cao hơn so với giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán kỳ trước đó.

❖ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 25: Tổng dư nợ vay

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
1	Vay ngắn hạn	1.021	-	-
2	Vay dài hạn	889	-	-
	<i>Trong đó</i>			
	<i>Nợ quá hạn</i>	-	-	-
	Tổng cộng	1.910	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và Báo cáo tài chính Quý II/2012

- Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn năm 2010 đều là vay Ngân hàng Ngoại thương Vinh. Công ty đã trả hết các khoản vay và lãi vay này trong năm 2011.
- Hiện nay, Công ty không có dư nợ vay tại bất cứ ngân hàng nào.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 26: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Phải thu từ khách hàng	24.230	29.661	16.238
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO)</i>	<i>7.417</i>	<i>7.394</i>	<i>8.939</i>



Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Ban Quản lý Công trình điện Miền Bắc	4.687	11.510	1.649
Các Công ty trong tổng Vneco	1.955	2.024	1.901
Ban Quản lý Công trình điện Miền Trung	965	965	965
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	3.998	1.022	-
Các chủ đầu tư khác	5.188	6.746	2.784
Các công trình khác	20	-	-
Trả trước cho người bán	150	1.042	693
Phải thu khác	512	558	880
Tổng	24.892	31.261	17.811

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và Báo cáo tài chính Quý II/2012

▪ **Đối với các khoản phải thu**

- Các khoản phải thu từ khách hàng của Công ty chiếm tỷ trọng lớn do Công ty có nhiều hợp đồng xây dựng với các bên liên quan và các khách hàng lớn nhưng chưa thu được tiền.
- Thông thường các khoản phải thu từ khách hàng bao gồm khoản tiền bảo hành khoảng 5% giá trị nghiệm thu và khoản chờ quyết toán 5% giá trị nghiệm thu. Đối với hai khoản nợ này, chủ đầu tư sẽ giữ trong thời gian bảo hành công trình là 01 năm.
- Hiện nay Công ty đang đẩy mạnh hoạt động thu hồi công nợ để tăng vòng quay vốn cho hoạt động kinh doanh. Các khoản phải thu hiện đang trong hạn và có khả năng thu hồi. Đối với các khoản phải thu có số dư lớn với Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam, Công ty thực hiện đối chiếu công nợ theo định kỳ.

▪ **Chi tiết về các khoản phải thu khác**

Bảng 27: Chi tiết các khoản phải thu khác của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	52	58	82
Phải thu Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam	441	459	511
Phải thu khác	19	40	287
Tổng	512	557	880

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và Báo cáo tài chính Quý II/2012



- o Hiện tại, VNECO4 đang đẩy mạnh hoạt động thu hồi công nợ nhằm giảm bớt áp lực về nhu cầu vốn lưu động.

Bảng 28: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Phải trả người bán	8.537	4.934	2.529
<i>Trong đó một số bên liên quan như sau:</i>			
<i>Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO)</i>	163	95	-
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO2</i>	1.747	870	694
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO3</i>	723	455	174
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO5</i>	818	(1.008)	228
Người mua trả tiền trước	388	513	3.436
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	2.237	3.209	1.472
Phải trả công nhân viên	3.441	10.042	7.445
Chi phí phải trả	722	1.291	641
Các khoản phải trả khác	1.165	1.006	1.787
Tổng	16.489	20.995	17.310

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và Báo cáo tài chính Quý II/2012

▪ **Đối với các khoản phải trả người bán**

- o Các khoản phải trả người bán chủ yếu do Công ty thực hiện mua các vật liệu xây dựng như dây, cột, đường điện, sắt, thép, xi măng của các bên liên quan nhưng mới chỉ đặt cọc và chưa thanh toán hết. Thông thường VNECO4 căn cứ theo hợp đồng cung ứng vật liệu và đặt cọc với nhà cung cấp khoản tiền theo tỷ lệ giá trị hợp đồng.
- o Ngay khi chuyển tiền đặt cọc và nhận hàng hóa, VNECO4 tiến hành kiểm tra chất lượng vật liệu theo quy trình. Nếu vật liệu được chấp nhận thì VNECO4 sẽ tiến hành thanh toán nốt giá trị hợp đồng theo các điều khoản của hợp đồng. VNECO4 luôn thanh toán các khoản nợ này đúng hạn.

▪ **Đối với các khoản phải trả công nhân viên**

Bảng 29: Chi tiết khoản phải trả công nhân viên qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Tổng số phải trả CNV	3.441	10.042	7.445



Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
<i>Trong đó:</i>			
- 4% Quỹ thưởng trong lương	210	652	648
- Quỹ dự phòng tiền lương	2.878	1635	-
- Lương CBCNV chưa trả	353	7.402	6.797
- Phải trả người lao động thuê ngoài	-	353	-

Nguồn: VNECO

- Quỹ thưởng trong lương: Căn cứ quy chế tiền lương của công ty, công ty trích lập 4% để chi thưởng cho những người lao động tham gia trực tiếp vào sản xuất khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành vượt mức kế hoạch.
- Quỹ dự phòng tiền lương: Căn cứ chế độ quy định của Nhà nước hàng năm công ty trích lập quỹ dự phòng 17% quỹ lương thực hiện. Đối với phần trích lập dự phòng tiền lương của năm trước nhưng đến thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN của năm nay doanh nghiệp chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết thì doanh nghiệp hoàn nhập và ghi giảm chi phí năm nay.
- Phải trả người lao động thuê ngoài: Đây là khoản tiền nhân công công ty thuê ngoài để thi công các mục, hạng mục công trình, khoản này chiếm tỷ trọng nhỏ và công ty tiến hành trả hết vào quý sau.
- Lương phải trả CBCNV: Chi phí tiền lương phải trả cho cán bộ công nhân viên được tính theo khối lượng hạng mục công việc hoàn thành. Căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành trong kỳ của các đơn vị, Công ty sẽ tiến hành bóc tách tiền lương để hạch toán nguồn phải trả. Bình quân tiền lương phải trả cho CBCNV khoảng 2,2 đến 2,5 tỷ đồng/tháng. Tiền lương trả cho CBCNV đã được thỏa thuận theo thỏa ước lao động tập thể là Công ty cấp lương cho CBCNV theo 02 kỳ, kỳ 1 cấp ứng từ 1.200.000 đồng - 1.500.000 đồng cho một người, số tiền lương còn lại đợt 2 công ty trả theo quý, thường số này là khoản chiếm tỷ trọng lớn. Đầu quý sau Công ty trả lương quý trước liền kề. Do đó tiền lương quý 4 các năm được trả vào quý 1 liền kề năm sau và tiền lương quý 2 được trả vào quý 3. Chính vì vậy cuối năm hoặc cuối quý còn tồn đọng số phải trả lớn do chưa đến hạn Công ty thanh toán lương cho nhân viên.
- Mặt khác, đối với những công trình mà VNECO4 giao khoán giá trị khối lượng cho các đơn vị trực thuộc, khi các đơn vị chưa hoàn thành thì công ty chưa trả hết nguồn quỹ lương đã lập. Do đó, trên sổ sách sẽ có những thời điểm số dư các khoản phải trả CBCNV cao.
- Đối với những công trình giao khoán, VNECO4 là bên giao khoán sẽ đảm bảo quyền lợi cho bên nhận giao khoán (thường là các đơn vị trực thuộc Công ty) bằng nghĩa vụ thanh toán 70% giá trị giao khoán. Khi các đơn vị thực hiện xong toàn bộ khối lượng công việc thì Công

ty mới nghiệm thu và thanh toán phần 30% giá trị giao khoán còn lại. Như vậy trên sổ sách luôn có khoản 30% giá trị giao khoán phải trả.

- **Đối với các khoản phải trả, phải nộp khác**
 - Các khoản phải trả khác bao gồm các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, lương ốm tạm tính và kinh phí công đoàn chưa chi hết.
 - Khi Bảo hiểm xã hội quyết toán xác định số tiền phải trả thì Công ty sẽ thanh toán đúng hạn.

Bảng 30: Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Bảo hiểm y tế	48	32	36
Bảo hiểm xã hội	0	123	197
Bảo hiểm thất nghiệp	14	13	16
Kinh phí công đoàn	253	350	345
Phải trả cho Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam	163	95	814
Các khoản phải trả khác	686	393	379
Tổng	1.165	1.006	1.787

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và Báo cáo tài chính Quý II/2012

- Các khoản phải trả khác bao gồm tài sản thừa chờ xử lý và các khoản phải thu phải trả sau khi bù trừ còn số dư như trên.

11.2. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên hai báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011 và việc phân bổ lợi nhuận sau thuế của năm 2011

❖ Chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên hai báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011

Báo cáo kiểm toán năm 2011 của Công ty do TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam thực hiện kiểm toán được lập ngày 21 tháng 3 năm 2012, lợi nhuận sau thuế của Công ty là 1.694.736.775 đồng. Tuy nhiên, do công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam không nằm trong danh sách được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán Tổ chức niêm yết năm 2012 nên Công ty phải thực hiện kiểm toán lại báo cáo tài chính năm 2011 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011 của Công ty do Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC) kiểm toán, lập ngày 27 tháng 7 năm 2012, lợi nhuận sau thuế của Công ty là 1.444.409.633 đồng. Lợi nhuận sau thuế giữa hai BCTC kiểm toán năm 2011 có sự chênh lệch, Công ty giải trình khoản chênh lệch này như sau:

- Doanh thu công trình ĐZ 220kV Vinh - Bản Lả -KH1 tăng: 256.263.202 đồng do đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng thêm: 256.263.202 đồng. Nguyên nhân: Giá trị khối lượng này được nghiệm thu trong năm 2011 nhưng khi lên phiếu giá ký xác nhận hoàn chỉnh của chủ đầu

tư sang quý 1 năm 2012 chủ đầu tư mới gửi cho công ty khi đó Công ty mới cấp hóa đơn đầu ra và ghi nhận doanh thu vào năm 2012. Nhưng kiểm toán xác định doanh thu này thuộc năm 2011. Do vậy Công ty phải điều chỉnh tăng doanh thu vào năm 2011.

- Tăng giá vốn công trình Cải tạo đường dây 11 kV Đồng Hòa - Long Bối (đoạn giao chéo quốc lộ 10) và Công trình ĐD 220kV NĐ Hải Phòng – Đình Vũ (Lô thầu 5.1) với tổng giá trị là 559.468.378 đồng. Nguyên nhân 02 công trình này trong năm 2011 đã ghi nhận doanh thu nhưng sang quý 1/2012 hạch toán chi phí. Do đó kiểm toán xác định phải ghi tăng giá vốn trong năm 2011. Vì vậy công ty phải điều chỉnh ghi tăng giá vốn năm 2011 giá trị trên,

Với 02 lý do trên dẫn đến làm cho kết quả lợi nhuận sau thuế giảm 250.317.142 đồng

❖ **Phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2011**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 10/04/2012, Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011 theo Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam lập ngày 21/3/2012 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau: Lợi nhuận sau thuế: 1.694.736.775 đồng

Bảng 31: Trích lập các quỹ

Chỉ tiêu	Tỷ lệ so với LNST	Giá trị (đồng)
Quỹ dự phòng tài chính	8%	135.578.942
Quỹ khen thưởng	5,15%	87.259.071
Quỹ phúc lợi	5%	84.259.071
Trả cổ tức bằng tiền mặt	14%	1.387.161.923

Nguồn: VNECO

Theo BCTC kiểm toán năm 2011 của Công ty do Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC) lập ngày 27 tháng 7 năm 2012, lợi nhuận sau thuế của Công ty là 1.444.409.633 đồng, giảm 250.327.142 đồng so với Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA, Tuy nhiên, quý II/2012, Công ty đã thực hiện xong việc phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 10/4/2012. Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 03 NQ/VNECO4-HĐQT ngày 30 tháng 7 năm 2012 về việc giải quyết chênh lệch lợi nhuận sau thuế giữa hai Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011. Theo đó, Công ty sẽ dùng lợi nhuận sau thuế của năm 2012 để bù đắp phần lợi nhuận bị thiếu này (250.327.142 đồng) trước khi phân phối lợi nhuận năm 2012 và sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 về vấn đề này.

11.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)		
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,44	1,42
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần)		
<u>TSLĐ – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,31	1,36
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	61%	64%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu(%)	157%	174%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho(vòng)		
<u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	9,69	14,43
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản(%)	94%	94%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	9%	4%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu (%) – ROE	22%	10%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%) - ROA	8%	4%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần (%)	8%	3%

Nguồn: Tính toán của SSI dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 của VNECO4

- ❖ **Về khả năng thanh toán:** Nhìn chung, năng lực thanh toán luôn được Công ty duy trì tốt, và tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.
- ❖ **Về cơ cấu vốn:** Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn qua các năm cho thấy, tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là từ vốn chủ sở hữu và chiếm dụng vốn của các đối tác. Cụ thể, hệ số nợ/ tổng tài sản của Công ty luôn được duy trì ở mức thấp qua các năm 2010 và 2011 và 6 tháng đầu năm 2012 là khoảng từ 60% đến 70%.
- ❖ **Về năng lực hoạt động:** Chỉ số về vòng quay hàng tồn kho của Công ty qua các năm 2010 và 2011 là tương đối tốt so với các doanh nghiệp cùng ngành.
- ❖ **Về khả năng sinh lời:** Do chi phí năm qua biến động dẫn tới lợi nhuận của Công ty năm 2011 giảm so với năm 2010. Các chỉ số về lợi nhuận của Công ty cũng giảm so với các chỉ số của năm 2010.

12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Trưởng phòng TCKT

12.1. Thành viên Hội đồng Quản trị

❖ **Danh sách**

Bảng 33: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Trần Văn Huy	Chủ tịch HĐQT	1965	201430374
2	Phan Huy Thành	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1955	186519496
3	Lê Văn Huyền	Thành viên HĐQT	1968	181824402
4	Nguyễn Ngọc Ân	Thành viên HĐQT	1966	182008780
5	Nguyễn Văn Bốn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	1958	181330570

Nguồn: VNECO4

❖ **Sơ yếu lý lịch**

▪ **Ông Trần Văn Huy – Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên: Trần Văn Huy
- Số CMND: 201430374 cấp ngày 09/09/1996 tại tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1965
- Nơi sinh: Xã Ân Phú - Huyện Đức Thọ - Tỉnh Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Ân Phú - Huyện Đức Thọ - Tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Phường Hoà Thuận Tây - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc: +84 (0)511 562 361
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế - Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
07/1987 – 02/1988	Khoa Kinh tế - Đại học Huế	Cán bộ giảng dạy
03/1988 - 10/1994	Phòng Kinh tế dự toán - Công ty Xây lắp điện 3	Cán bộ kinh tế dự toán
11/1994 - 11/1995	Công ty Xây lắp điện 3	Phó Phòng kinh tế dự toán
12/1995 - 08/1999	Chánh văn phòng Công ty Xây lắp điện 3	Phó chánh Văn phòng



Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
09/1999- 9/2002	Công ty Xây lắp điện 3	Trưởng Phòng Kinh tế Kế hoạch
10/2002-11/2005	Công ty Xây lắp điện 3	Trưởng Phòng Kinh tế Kế hoạch
12/2002-12/2006	Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Trưởng Phòng Kinh tế Kế hoạch
01/2007 đến nay	Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
 - Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần du lịch khách sạn Xanh Nghệ An
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 3.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 30/06/2012: 322.737 cổ phần (tương ứng 31,39% vốn điều lệ)
 - Đại diện pháp nhân cho Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO): 322.737 cổ phần (tương ứng 31,39% vốn điều lệ)
 - Cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có
- **Ông Phan Huy Thành – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc**
 - Họ và tên: Phan Huy Thành
 - Số CMND: 186519496 cấp ngày 25/8/2006 tại tỉnh Nghệ An
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 28/10/1955
 - Nơi sinh: xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
 - Địa chỉ thường trú: Khối 6 - Phường Bến Thủy -Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ an.



- Số điện thoại liên lạc: +84 (0)38 353 8019 hoặc +84 (0)38 353 1065
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện - Cao cấp lý luận chính trị.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/1972 - 07/1984	Quân đội ND Việt Nam	Nhập ngũ
08/1984 - 08/1986	Xí nghiệp CBTP Vinh - Tỉnh Nghệ An	Công nhân điện, Ca trưởng SX
09/1986 - 03/1991	Trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên - Khoa Điện	Sinh viên
04/1991 - 04/1994	Trung tâm thiết kế và xây lắp lưới điện phân phối - Công ty xây lắp điện 3	Cán bộ kỹ thuật, Đội trưởng Đội xây lắp điện
05/1994 - 09/2001	Xí nghiệp xây dựng điện và vật tư - Công ty xây lắp điện 3	Phó Phòng, Trưởng Phòng kế hoạch - kỹ thuật
10/2001 - 05/2003	Xí nghiệp xây dựng điện và vật tư - Công ty xây lắp điện 3	Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng kế hoạch - kỹ thuật
06/2003 - 12/2004	Công ty xây lắp điện 3.2 (nay là Công ty CP xây dựng điện VNECO2 - Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam)	Phó Giám đốc
01/2005 - 01/2007	Công ty CP xây lắp điện 3.4 (nay là Công ty CP xây dựng điện VNECO4 - Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam)	Phó Giám đốc
02/2007 - 02/2010	Công ty CP xây dựng điện VNECO4	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
3/2010 đến nay	Công ty CP xây dựng điện VNECO4 - Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám Đốc Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 30/06/2012: 264.351 cổ phần (tương ứng 25,72% vốn điều lệ)
 - Đại diện pháp nhân cho Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam: 239.865 cổ phần (tương ứng 23,33% vốn điều lệ)
 - Cá nhân: 24.486 cổ phần (tương ứng 2,38% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có
- Ông Lê Văn Huyền – Thành viên HĐQT



- o Họ và tên: Lê Văn Huyền
- o Số CMND: 181824402 cấp ngày 17/11/2009 tại tỉnh Nghệ An
- o Giới tính: Nam
- o Ngày tháng năm sinh: 06/07/1968
- o Nơi sinh: Xã Diễn Kim - Huyện Diễn Châu - Tỉnh NGHỆ AN
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Quê quán: Xã Diễn Kim - Huyện Diễn Châu - Tỉnh NGHỆ AN
- o Địa chỉ thường trú: 197 Nguyễn Trường Tộ - Khối Yên Duệ - Phường Đông Vĩnh - Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- o Số điện thoại liên lạc: 0913273106
- o Trình độ văn hoá: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Trung cấp điện
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/1988 - 10/1989	Xí nghiệp cơ điện- Công ty xây lắp điện 3	Công nhân
11/1989 - 04/2007	Xí nghiệp cơ điện - Công ty Xây lắp điện 3 (Nay là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4 - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam)	Tổ trưởng xây lắp điện
05/2007 - 02/2010	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	Đội trưởng Đội xây lắp điện 2
02/2010 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Ủy viên Hội đồng quản trị, Đội trưởng Đội xây lắp điện 2

- o Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4 kiêm Đội trưởng Đội xây lắp điện 2
- o Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- o Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 30/06/2012: 5.144 cổ phần (tương ứng 0,50% vốn điều lệ)
 - Cá nhân: 5.144 cổ phần (tương ứng 0,50% vốn điều lệ)
- o Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan: không có
- o Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- o Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- o Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có



▪ **Ông Nguyễn Ngọc Ân – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Ân
- Số CMND: 182008780 cấp ngày 04/12/2006 tại tỉnh Nghệ An
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30/12/1966
- Nơi sinh: Xã Sơn Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Sơn Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Khối Đại Lợi - Phường Đông Vĩnh -Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- Số điện thoại liên lạc: +84 (0)38 385 4495 / 0912132098
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
07/1986 - 1990	Xí nghiệp cơ điện - Công ty xây lắp điện 3	Kỹ thuật xưởng cơ khí
1990 - 2002	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Nhân viên Phòng Kinh tế - Kế hoạch
2003 - 2007	Công ty CP Xây lắp điện 3.4 (Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 4)	Đội trưởng Đội xây lắp điện 2
02/2010 đến nay	Công ty CP Xây lắp điện 3.4 (Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 4)	Thành viên Ban kiểm soát, Nhân viên Phòng Kinh tế - kế hoạch
02/2007 - 02/2010	Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 4	Trưởng Ban kiểm soát, Phó Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư
02/2010 đến nay	Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 4	Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 30/06/2012: 8.582 cổ phần (tương ứng 0,83% vốn điều lệ)
 - Cá nhân: 8.582 cổ phần (tương ứng 0,83% vốn điều lệ)



- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

▪ **Ông Nguyễn Văn Bốn – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Bốn
- Số CMND: 181330570 cấp ngày 04/06/2009 tại tỉnh Nghệ An
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/07/1958
- Nơi sinh: Mỹ Thịnh - Hưng Mỹ - Hưng Nguyên - Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Hưng Mỹ - Huyện Hưng Nguyên - Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Khu tập thể Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4 - Số 197 Nguyễn Trường Tộ - Phường Đông Vĩnh - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại liên lạc: 0913275058
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng sư phạm kỹ thuật.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1982 - 1986	Tiếp Khắc	Thực tập sinh
11/1987 - 03/1992	Công ty Xây lắp điện 3	Công nhân người Xí nghiệp cơ điện
04/1992 - 03/1993	Xí nghiệp cơ điện - Công ty Xây lắp điện 3	Quản đốc phân xưởng
04/1993 - 01/2007	Xí nghiệp cơ điện Công ty Xây lắp điện 3 (Nay là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam)	Phó phòng Kế hoạch - Kỹ thuật
02/2007 - 04/2008	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Trưởng Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư
05/2008 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Phó Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 30/06/2012: 7.546 cổ phần (tương ứng 0,73% vốn điều lệ)
 - Cá nhân: 7.546 cổ phần (tương ứng 0,73% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

12.2. Ban Giám đốc

❖ Danh sách

Bảng 34: Danh sách thành viên Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Phan Huy Thành	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1955	186519496
2	Nguyễn Văn Bốn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	1958	181330570

Nguồn: VNECO4

❖ Sơ yếu lý lịch

▪ Ông Phan Huy Thành – Giám đốc

Xem chi tiết ở mục 12.1

▪ Ông Nguyễn Văn Bốn – Phó Giám đốc

Xem chi tiết ở mục 12.1

12.3. Ban kiểm soát

❖ Danh sách

Bảng 35: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Trần Thị Thúy Vân	Trưởng BKS	1963	181414018
2	Nguyễn Năng Đồng	Thành viên BKS	1961	186720586
3	Nguyễn Thị Thúy Hà	Thành viên BKS	1972	186720586

Nguồn: VNECO4

❖ Sơ yếu lý lịch

▪ Bà Trần Thị Thúy Vân - Trưởng ban kiểm soát

○ Họ và tên: Trần Thị Thúy Vân

○ Số CMND: 181414018 cấp ngày 01/06/2010 tại tỉnh Nghệ An



- o Giới tính: Nữ
- o Ngày tháng năm sinh: 06/12/1963
- o Nơi sinh: Xã Hưng Đông - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Quê quán: Xã Hưng Đông - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
- o Địa chỉ thường trú: Khối Vĩnh Yên-P.Đông Vĩnh-TP Vinh- Tỉnh Nghệ An
- o Số điện thoại liên lạc: +84 (0)38 385 3934
- o Trình độ văn hoá: 10/10
- o Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
01/1988 - 1989	Xưởng Cơ khí - Xí nghiệp cơ điện thuộc Công ty Xây lắp điện 3	Công nhân
1990 - 08/2010	Xí nghiệp Cơ điện thuộc Công ty Xây lắp điện 3, nay là Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4 thuộc Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	Nhân viên Kế toán
9/2010 đến nay	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Nhân viên Phòng Kế hoạch-Kỹ thuật-vật tư

- o Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát kiêm Nhân viên Phòng Kế hoạch-Kỹ thuật – Vật tư Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4
- o Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- o Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 30/06/2012: 2.300 cổ phần (tương ứng 0,22% vốn điều lệ)
 - Cá nhân: 2.300 cổ phần (tương ứng 0,22% vốn điều lệ)
- o Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không có
- o Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- o Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- o Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

▪ **Ông Nguyễn Năng Đồng - Thành viên Ban Kiểm soát**

- o Họ và tên: Nguyễn Năng Đồng
- o Số CMND: 186720586 cấp ngày 06/01/2006 tại tỉnh Nghệ An
- o Giới tính: Nam



- o Ngày tháng năm sinh: 07/07/1961
- o Nơi sinh: Khu phố 4 - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Quê quán: Khu phố 4 - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
- o Địa chỉ thường trú: Số 89 Đường Văn Đức Giai - Phường Hưng Bình - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
- o Điện thoại liên lạc: 0912448709
- o Trình độ văn hoá: 10/10
- o Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
05/1984 - 12/1989	Công ty XL Đường dây và Trạm II	Nhân viên Phòng Kỹ thuật
12/1989 - 10/1998	Công ty xây lắp điện 3	Nhân viên Phòng Kỹ thuật
10/1998 - 09/1999	Công ty Xây lắp điện 3	Phó phòng Kỹ thuật
09/1999 – 10/2008	Công ty CP Xây lắp điện 3.4 (Nay là Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4 - Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam).	Phó Giám đốc
10/2008 - 02/2010	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4 - Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam.	Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc
02/2010 đến nay	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4 - Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam.	Ủy viên Ban Kiểm soát

- o Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4
- o Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- o Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 30/06/2012: 6.820 cổ phần (tương ứng 0,66% vốn điều lệ)
 - Cá nhân: 6.820 cổ phần (tương ứng 0,66% vốn điều lệ)
- o Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan: không có
- o Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- o Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- o Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có
- **Nguyễn Thị Thúy Hà - Thành viên Ban Kiểm soát**
 - o Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hà



- Số CMND: 186720586 cấp ngày 06/01/2010 tại tỉnh Nghệ An
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 26/02/1972
- Nơi sinh: Xã Thanh Giang - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thanh Giang - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Khối Trung Mỹ - Phường Lê Mao - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại liên lạc: 0979733444
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/1991 - 02/2010	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư Xí nghiệp Cơ điện thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4) - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Nhân viên
02/2010 đến nay	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Ủy viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 30/06/2012: 2.027 cổ phần (tương ứng 0,20% vốn điều lệ)
 - Cá nhân: 2.027 cổ phần (tương ứng 0,20% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan:
 - Đàm Văn Thám (chồng): 2.778 cổ phần (tương ứng 0,27% vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

12.4. Kế toán trưởng

❖ Danh sách

Bảng 36: Danh sách Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Nguyễn Thế Tam	Kế toán trưởng	1961	186581332

Nguồn: VNECO4

❖ Sơ yếu lý lịch

▪ Ông Nguyễn Thế Tam – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Nguyễn Thế Tam
- Số CMND: 186581332 cấp ngày 17/03/2005 tại tỉnh Nghệ An
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/11/1961
- Nơi sinh: Xã Thanh Tường - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thanh Tường - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Khối 6 - Phường Trường Thi - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại liên lạc: +84 (0)38 385 3934
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
02/1984 - 02/1987	Trung đoàn 95 - Sư đoàn 325 - Quân đoàn 2 Bộ Quốc phòng (Đóng quân tại Lục ngạn - Hà Bắc)	Nhân viên Tiểu Ban tài vụ, Ban hậu cần
07/1987 - 07/1991	Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội	Sinh viên
12/1991 - 04/1998	Công ty xây dựng thủy lợi 24	Cán bộ Phòng Tài chính kế toán
05/1998 - 10/2002	Công ty xây dựng thủy lợi 24	Phó trưởng Phòng Tài chính Kế toán
11/2002 - 11/2007	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 24	Kế toán trưởng
12/2007 - 3/2010	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 24	Thành viên ban kiểm soát
04/2010 - 06/2010	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Phó trưởng phòng, Phụ trách Phòng Tài chính - Kế toán
07/2010 đến nay	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Kế toán trưởng



- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 30/06/2012: 0 cổ phần (tương ứng 0,00% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có



13. Tài sản

13.1. Tài sản cố định

Bảng 37: Tình hình tài sản Công ty tính đến thời điểm 30/06/2012

Đơn vị: đồng

Tài sản	31/12/2011			30/06/2012		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	8.460.452.083	5.365.836.482	3.094.615.601	8.632.514.727	5.571.536.528	3.060.978.199
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.459.222.381	1.537.907.666	921.314.715	2.444.222.381	1.561.624.508	882.597.873
Máy móc thiết bị	2.516.489.253	2.261.041.816	255.447.437	2.722.216.526	2.327.525.034	394.691.492
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.372.777.306	1.462.639.474	1.910.137.832	3.372.777.306	1.648.012.951	1.724.764.355
Thiết bị, dụng cụ quản lý	111.963.143	104.247.526	7.715.617	93.298.514	34.374.035	58.924.479

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2011 và Báo cáo tài chính Quý II/2012

**13.2. Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng hiện có của Công ty****Bảng 38: Danh sách khu đất đai và nhà xưởng hiện có của Công ty**

STT	Địa điểm	Diện tích	Thời điểm bắt đầu mua- thuê	Thời hạn (năm)	Loại hình
1	Trụ sở công ty tại 197 Nguyễn Trường Tộ - Phường Đông Vĩnh - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An	12.267,1 m ²	04/02/2005	20	Nhà nước cho thuê đất, doanh nghiệp trả tiền thuê đất hàng năm.

Nguồn: VNECO4



14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1. Chiến lược chung của Công ty

- ❖ Duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống về xây lắp đường dây và trạm. Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trên lĩnh vực này.
- ❖ Mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh đa ngành nghề. Trước hết hướng đến một số lĩnh vực trọng tâm là xây lắp giao thông, thủy lợi.

14.2. Phương hướng thực hiện

- ❖ Đào tạo tuyển dụng lực lượng kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân có đủ trình độ, tâm huyết gắn bó với Công ty. Có chính sách ưu đãi thỏa đáng với các cá nhân có trình độ, nhiệt huyết. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên cống hiến một cách tốt nhất.
- ❖ Đầu tư thêm một số trang thiết bị chuyên ngành nhằm đảm bảo chủ động trong sản xuất, thi công, phục vụ kinh doanh có hiệu quả, năng suất, chất lượng.
- ❖ Về vốn: tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức tín dụng để huy động nguồn vốn đáp ứng đủ cho sản xuất kinh doanh. Tích cực thu hồi vốn khi có lượng hoàn thành. Đẩy nhanh lộ trình niêm yết trên sàn chứng khoán nhằm tạo ra một kênh huy động vốn có hiệu quả mới.

14.3. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong giai đoạn 2012-2014

Bảng 39: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tới

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	Tăng/giảm so với năm 2011	Giá trị	Tăng/giảm so với năm 2012	Giá trị	Tăng/giảm so với năm 2013
1	Vốn điều lệ	10.280	0,00%	10.280	0,00%	10.280	0,00%
2	Doanh thu	42.800	11,93%	47.960	10,00%	53.715	12,00%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.683	28,48%	3.005	12,00%	3.455	15,00%
4	Lợi nhuận sau thuế	2.012	18,72%	2.253	12,00%	2.591	15,00%
5	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	4,70%	0,27%	4,70%	0,00%	4,82%	0,12%
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	19,57%	3,09%	21,92%	2,35%	25,20%	3,28%
7	Cổ tức	15,00%	1,00%	15,00%	0,00%	16,00%	1,00%

Nguồn: VNECO4



14.4. Căn cứ để đạt được kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức

- ❖ Công ty là một trong những đơn vị hàng đầu về xây lắp điện ở Việt Nam, trong những năm tới, ngành điện có mức tăng trưởng rất lớn đặc biệt là đầu tư nguồn điện và hệ thống lưới điện với giá trị đầu tư vốn khoảng 14.000 tỷ đồng. Đây là một thị trường rộng lớn để Công ty chiếm lĩnh thị phần, thị trường, tăng doanh thu, lợi nhuận.
- ❖ Công ty thực hành tốt chính sách tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; tổ chức hợp lý công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý; cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động; áp dụng các tiến bộ mới về khoa học kỹ thuật trong sản xuất; đa dạng hoá sản phẩm và mở rộng thị trường trong và ngoài nước, mở rộng quy mô về mọi hoạt động nhằm tối đa hoá danh thu và lợi nhuận.
- ❖ Bên cạnh việc góp vốn đầu tư các dự án thủy điện, Công ty đang chuẩn bị các điều kiện tận dụng mặt bằng để liên danh xây dựng khu chung cư cao tầng trên khu đất hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nhà ở tại thành phố Vinh.
- ❖ Trong sáu tháng đầu năm 2012, doanh thu Công ty đạt được là 11.987 triệu đồng, đạt 28% kế hoạch doanh thu cả năm 2012; lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 925 triệu đồng, đạt 46% kế hoạch lợi nhuận cả năm 2012. Doanh thu trong sáu tháng đầu năm 2012 chỉ đạt 28% kế hoạch năm là do Công ty chưa quyết toán hết các công trình mặc dù đã thực hiện công việc. Thông thường khối lượng công việc của các công trình xây lắp dồn nhiều vào quý 3 và quý 4 hàng năm nên phần lớn doanh thu cũng được quyết toán trong các quý này. Do đó Công ty hoàn toàn có khả năng đạt được kế hoạch đề ra trong năm 2012.
- ❖ Các công trình dự kiến sẽ nghiệm thu được trong 6 tháng cuối năm 2012 như sau:

Bảng 40: Các công trình sẽ nghiệm thu trong 6 tháng cuối năm 2012

STT	Tên Công trình	Diễn giải	Số tiền (đồng)
1	Công trình Đường dây 220kV Đồng Hòa - Thái Bình	Xây lắp ĐZ từ G17-ĐC (Bao gồm vận chuyển cách điện và phụ kiện và đền bù phục vụ thi công)	5.956.707.000
2	Đường dây 220kV đấu nối Nhà máy Thủy điện Bản Chát	Xây lắp (bao gồm cả vận chuyển cáp quang, cách điện và phụ kiện)	18.754.212.607
3	Đường dây 110kV Đồng Hòa Long Bối (Điện lực Hải Phòng)		4.410.665.682
4	Đường dây 220kV Vũng Áng Hà Tĩnh, Lô: 6.2	Gia công cốt thép vật tư, thuê mặt bằng, tiếp nhận và bảo quản, cấp phát vật tư	872.117.344
Tổng cộng			29.121.585.289

Nguồn: VNECO4



14.5. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức

❖ Điểm mạnh

- Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4 có trụ sở nằm ngay Thành phố Vinh, với khuôn viên rộng hơn 12.000 m², sát đường ô tô (đường Nguyễn Trường Tộ - rộng 24m), gần ga xe lửa rất thuận tiện về giao thông và giao dịch kinh doanh.
- Công ty có thế mạnh về xây lắp đường dây và trạm và là một trong những đơn vị truyền thống lâu năm trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó Công ty có truyền thống, năng lực và kinh nghiệm gia công, chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng và các loại phụ kiện điện, chế tạo dụng cụ thiết bị chuyên ngành phục vụ xây lắp điện với đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, Nhà xưởng rộng rãi, trang thiết bị đầy đủ.
- Công ty đã xây dựng được mối quan hệ mật thiết từ lâu và tạo dựng được uy tín bằng năng lực thực chất của mình với ngành điện từ Tập đoàn điện lực Việt Nam đến Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia NPT, các Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc, miền Trung và các Ban quản lý dự án lưới điện của các Tổng công ty điện lực trên toàn quốc.
- Để đa dạng hoá ngành, nghề hiện nay Công ty có chủ trương mở thêm dịch vụ sửa chữa xe ô tô tại TP Vinh và chuẩn bị đầu tư dự án khai thác đá xây dựng tại Nghệ An.

❖ Điểm yếu

- Các dự án điện hiện nay hầu như tập trung ở vùng sâu, vùng xa ở khu vực phía Bắc, và phía Nam xa trụ sở chính của Công ty ở TP Vinh nên chi phí di chuyển bộ máy thi công, công tác quản lý điều hành sẽ không thuận lợi bằng các đơn vị đóng quân ở gần dự án.
- Hiện tại vốn điều lệ Công ty còn thấp, chưa đủ nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

❖ Cơ hội

- Để xây dựng đất nước phát triển, tiến tới một nước có nền công nghiệp hiện đại thì nhu cầu về điện năng của nước ta cả hiện tại và trong tương lai là rất lớn. Trong tương lai gần, với Tổng sơ đồ quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam xét đến năm 2020 đã được Chính phủ phê duyệt thì nước ta cần phải xây dựng một loạt các nhà máy nguồn điện và một hệ thống lưới điện có khối lượng rất lớn. Đây chính là thị trường tiềm năng cho ngành xây dựng điện cả nước nói chung và Công ty CP xây dựng điện VNECO4 nói riêng.

❖ Thách thức

- Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt và cạnh tranh chưa lành mạnh của một số đơn vị mới tham gia vào lĩnh vực xây lắp.
- Cơ sở hạ tầng khu vực Miền Trung vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ, đồng thời trong khu vực chưa có liên kết trong toàn miền nên đã hạn chế lượng khách đến và giảm thời gian lưu trú.



15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“SSI”) đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. SSI nhận định nhu cầu và tiềm năng phát triển của ngành điện đang ở mức cao nhờ các chính sách xã hội hóa ngành điện, mở rộng mạng lưới điện đến các vùng miền.

Hiện nay tình hình kinh tế vĩ mô còn nhiều khó khăn, chính sách cắt giảm đầu tư công đang được áp dụng dẫn đến nhu cầu xây lắp giảm, giá cả nguyên vật liệu xây dựng và nhiên liệu luôn biến động, chủ đầu tư chiếm dụng vốn lâu, nợ công luôn ở mức cao. Đây là những yếu tố khó khăn và thách thức đối với VNECO4 trong việc thực hiện những kế hoạch kinh doanh đề ra.

Tuy nhiên do là một doanh nghiệp có kinh nghiệm lâu năm trong ngành và có uy tín trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình đường dây, trạm biến áp ở miền Trung, SSI vẫn nhận thấy cơ hội cho mảng thi công xây lắp các công trình điện năng cho VNECO4 tại thị trường truyền thống các tỉnh miền Trung còn tương đối lớn và rộng khắp.

Mặc dù vậy, đứng trước những cơ hội và thách thức nêu trên, VNECO4 cần có những định hướng chiến lược phát triển rõ ràng với năng lực quản lý hiệu quả và quyết tâm cao của Ban lãnh đạo Công ty nhằm đạt được kế hoạch kinh doanh đã thông qua cũng như duy trì tỷ lệ cổ tức đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

Lưu ý: Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Thông tin về những tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có



V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mã chứng khoán

VE4

3. Mệnh giá

10.000 (mười nghìn) đồng/1cổ phiếu

4. Tổng số chứng khoán đăng ký niêm yết

1.028.000 (Một triệu không trăm hai mươi tám nghìn) cổ phần

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết

- ❖ Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và cổ đông lớn

Theo Tiết d, Điểm 1, Điều 9, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán: “Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

Bảng 41: Danh sách cổ đông chủ chốt bị hạn chế chuyển nhượng (HCCN) kể từ ngày niêm yết

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu HCCN	
			Trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Trong vòng 6 tháng tiếp theo
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO)	Cổ đông lớn	562.602	281.301
	Đại diện:			
	Ông Trần Văn Huy		322.737	161.369
	Ông Phan Huy Thành		239.865	119.933



STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu HCCN	
			Trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Trong vòng 6 tháng tiếp theo
2	Trần Văn Huy	Chủ tịch HĐQT	-	-
3	Phan Huy Thành	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	24.486	12.243
4	Lê Văn Huyền	Thành viên HĐQT	5.144	2.572
5	Nguyễn Ngọc Ân	Thành viên HĐQT	8.582	4.291
6	Nguyễn Văn Bốn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	7.546	3.773
7	Trần Thị Thúy Vân	Trưởng BKS	2.300	1.150
8	Nguyễn Năng Đồng	Thành viên BKS	6.820	3.410
9	Nguyễn Thị Thúy Hà	Thành viên BKS	2.027	1.014
TỔNG CỘNG			619.507	309.754

Nguồn: VNECO4

- Như vậy, tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết là 619.507 cổ phần và số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 6 tháng tiếp theo là 309.754 cổ phần.

6. Phương pháp tính giá

6.1. Phương pháp giá trị sổ sách

- Giá trị sổ sách của 01 cổ phần được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách của 01 cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{(\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành} - \text{cổ phần quỹ})}$$

- Tại thời điểm 31/12/2011, giá trị sổ sách của 1 cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần) tính theo số liệu của BCTC kiểm toán năm 2011 của VNECO4 là **14.398 đồng/cổ phần**
- Tại thời điểm 30/06/2012, giá trị sổ sách của 1 cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần) tính theo số liệu của BCTC 6 tháng đầu năm 2012 của VNECO4 là **14.025 đồng/cổ phần**



6.2. Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức

❖ Công thức tính như sau:

$$P = \frac{DIV1}{(1+r)} + \frac{DIV2}{(1+r)^2} + \frac{DIV3}{(1+r)^3} + \dots + \frac{DIVn}{(1+r)^n}$$

- Trong đó:
 - DIV: Giá trị cổ tức trên một cổ phần
 - r: Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu (tỷ suất sinh lời mong đợi của nhà đầu tư)
 - $r = r_f + r_p$ (r_f là tỷ suất sinh lời phi rủi ro, r_p : phần bù rủi ro)
 - P_n : Giá cổ phần vào năm n

$$P_n = \frac{DIV_n \times (1+g)}{(r-g)}$$

- g: Tốc độ tăng trưởng đều của dòng cổ tức công ty từ năm thứ n+1

Bảng 42: Định giá chi tiết cổ phiếu VE4

Năm	2012	2013	2014
Cổ tức trên 1 cổ phần (DIV)	1.500	1.500	1.600
Hệ số chiết khấu (r)	11,26%	11,26%	11,26%
Thời gian chiết khấu (năm)	0,5	1,5	2,5
Hiện giá cổ tức	1.423	1.279	1.226



Năm	2012	2013	2014
Hệ số tăng trưởng cổ tức (g)			2,5%
Giá trị cổ phần vào cuối năm 2014 (Pn)			18.721
Giá trị cổ phần định giá VE4 (đồng/ cổ phần)		18.265	
Chiết khấu rủi ro thị trường		20%	
Giá trị cổ phần VE4 (đồng/cổ phần)		14.612	

Nguồn: SSI

Giá cổ phiếu theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức là **14.612 đồng/cổ phần**



- ❖ Tổng hợp kết quả định giá theo các phương pháp như sau:

Bảng 43: Tổng hợp kết quả định giá

Đơn vị: đồng

Phương pháp	Giá trị 01 cổ phần	Trọng số
Chiết khấu dòng cổ tức	14.612	50%
Giá trị sổ sách tại 31/12/2011	14.398	50%
Giá tính theo trọng số		14.505

Nguồn: SSI

- ❖ Căn cứ các phương pháp tính giá trên, chúng tôi đề xuất mức giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là **14.000** đồng/cổ phiếu
- ❖ Lưu ý: Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VE4 có thể được thay đổi để phù hợp với thị trường chứng khoán tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong một tổ chức niêm yết. Cụ thể tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49,00% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/04/2009.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 0,00%vốn điều lệ (không cổ phần).

8. Các loại thuế có liên quan

- ❖ Thuế Thu nhập Doanh nghiệp: :
 - Theo thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính thì Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%
 - Theo Quy định tại Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ (theo Điều 2), năm 2011 Công ty được giảm 30% số Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
 - Theo Thông tư 83 ngày 23/5/2012 thì công ty được gia hạn 9 tháng thời hạn nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2010 trở về



trước mà đến ngày 10/5/2012 Công ty chưa nộp Ngân sách Nhà nước và thời hạn nộp thuế là 30/9/2012; Công ty được gia hạn 09 tháng thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 mà Công ty chưa nộp.

- ❖ Thuế Giá trị gia tăng
 - Theo Thông tư 83 ngày 23/5/2012 thì công ty được gia hạn 6 tháng thời hạn nộp thuế GTGT của tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2012.
- ❖ Thuế môn bài
- ❖ Thuế đất
- ❖ Các thuế khác: Thực hiện theo các chính sách thuế hiện hành.



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

❖ **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: +84 (0)8 3824 2897 Fax: +84 (0)8 3824 2997
- Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

❖ **Chi nhánh Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội**

- Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: +84 (0)4 3936 6321 Fax: +84 (0)4 3936 6311

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn tài chính Quốc tế - IFC

- Địa chỉ: 3203 nhà 34T, Trung Hòa, Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: +84 (0)4 2221 2891 Fax: +84 (0)4 2221 2892
- Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn



I. PHỤ LỤC

- ❖ **Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- ❖ **Phụ lục 2:** Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
- ❖ **Phụ lục 3:** Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011; Báo cáo tài chính Quý 1/2012
- ❖ **Phụ lục 4:** Nghị quyết họp ĐHCĐ thông qua việc đăng ký niêm yết
- ❖ **Phụ lục 5:** Sơ yếu lý lịch HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng
- ❖ **Phụ lục 6:** Hợp đồng tư vấn và giấy ủy quyền của Tổng giám đốc SSI
- ❖ **Phụ lục 7:** Các tài liệu khác

Vinh, ngày 10 tháng 09 năm 2012

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN VĂN HUY

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TRẦN THỊ THÚY VÂN

GIÁM ĐỐC

PHAN HUY THÀNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THẾ TAM

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



NGUYỄN THỊ THANH HÀ